

# KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

**Tìm kiếm cơ hội trong mùa báo cáo  
kết quả kinh doanh**

**Tháng 10/2026**

# MỤC LỤC

**Tóm tắt** **03**

**Kinh tế vĩ mô** **04**

**Nhìn lại TTCK tháng 09** **08**

**Triển vọng TTCK tháng 10** **15**

**Danh sách mã khuyến nghị tháng  
10/2026** **19**



## CÓ GÌ TRONG BÁO CÁO NÀY ?

*([Trở về trang mục lục](#))*

- **Chúng tôi dự báo GDP cả năm 2026 khả năng sẽ đạt tối thiểu 9%.** GDP quý III tăng trưởng mạnh 9,95% và 9 tháng tăng trưởng 9,01% nhờ động lực đến từ sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và đầu tư. Dự báo GDP cả năm 2026 khả năng sẽ đạt tối thiểu 9%, tuy nhiên sẽ là khá thách thức nếu so với mục tiêu tăng trưởng trên 10%, đồng nghĩa với việc tăng trưởng quý IV phải đạt từ 12,5% trở lên. Điểm tích cực trong tháng là cán cân thương mại đã chuyển sang thặng dư lần đầu tiên trong năm 2026, qua đó hỗ trợ phần nào cho tỷ giá trong bối cảnh Fed tăng thêm 0,25% lãi suất điều hành. PMI tháng 9 giảm về 51,9 điểm và CPI tháng 9 đã tăng 5,08% so với cùng kỳ là những tín hiệu cần tiếp tục theo dõi trong các tháng tới.
- **Diễn biến lãi suất sẽ dẫn dắt tâm lý thị trường:** Quý IV thường là thời kỳ cao điểm của các hoạt động giải ngân đầu tư kéo theo nhu cầu về tín dụng khá lớn từ hệ thống ngân hàng. Điều này kết hợp với việc chỉ số giá cả trong nước tăng, lãi suất bên ngoài neo cao, mặt bằng lãi suất trong nước được dự báo sẽ chưa thể sớm giảm mạnh.
- **TTCK kỳ vọng tích lũy trong biên độ hẹp.** Báo cáo KQKD quý III nhiều nhóm doanh nghiệp dự báo Tích cực có thể hỗ trợ thị trường. Tuy nhiên dòng tiền và tâm lý thị trường yếu sẽ là các yếu tố cản trở sự tăng trưởng của thị trường. Chúng tôi nghiêng về kịch bản VN-INDEX tích lũy trong biên độ 1.710 điểm – 1.730 điểm, tương ứng vùng đáy thiết lập trong tháng 8/2026, kháng cự mạnh quanh vùng 1.800 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, VN-Index có thể giảm về hỗ trợ mạnh 1.600 điểm – 1.650 điểm, trước khi hình thành nền giá và phục hồi trở lại vùng 1.800 điểm.
- **Chiến lược đầu tư:** Với nhà đầu tư trung dài hạn, đây là thời điểm tốt để lựa chọn các mã đầu ngành, triển vọng tốt, khi giá giảm về vùng định giá hấp dẫn. Chúng tôi đánh giá các ngành Tích cực trong tháng 10/2026 bao gồm **Bán lẻ, Ngân hàng, Cảng - Vận Tải biển và Năng lượng - Dầu Khí**.

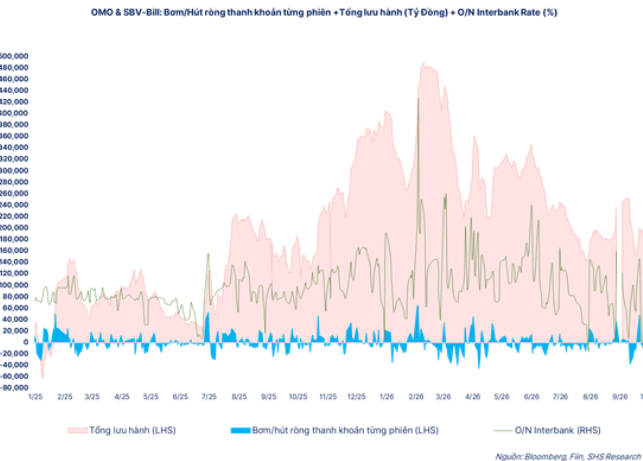
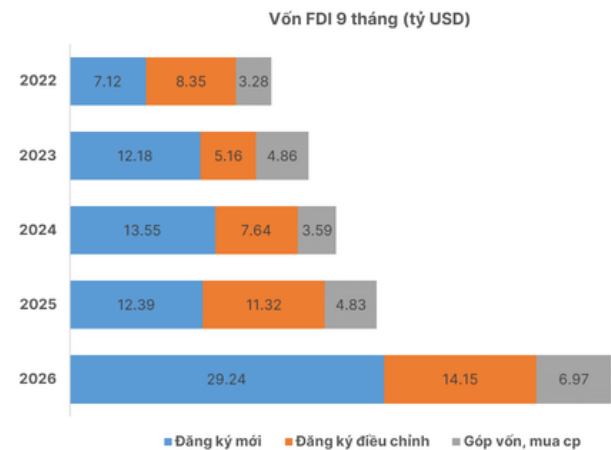
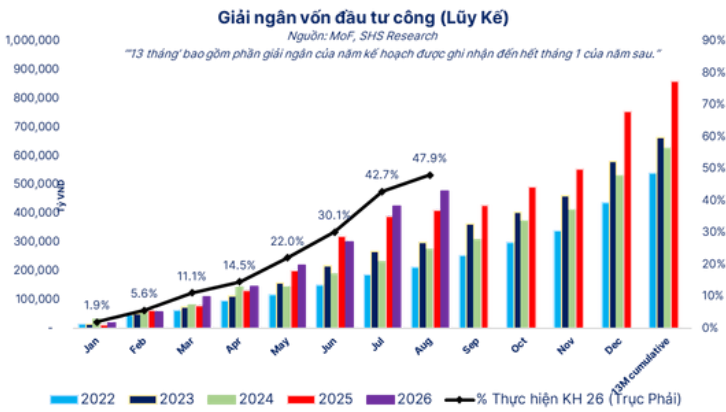


# KINH TẾ VĨ MÔ

[\(Trở về trang mục lục\)](#)



# KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

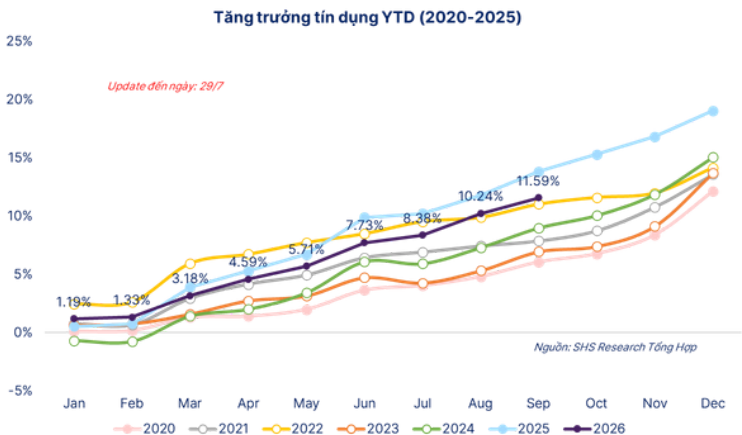


## Đầu tư tăng tốc

- Thu ngân sách nhà nước lũy kế đến hết tháng 9/2026 đạt 2.187,3 nghìn tỷ đồng (+12,1% YoY), hoàn thành 86,5% dự toán cả năm, chi ngân sách mới đạt 1.873,7 nghìn tỷ đồng (+14,5% YoY), tương ứng 59,3% dự toán. Giải ngân vốn đầu tư công tháng 9 (tính từ ngày 04/9) là 129.657 tỷ đồng (+47,3% MoM), mức cao nhất theo tháng kể từ đầu năm. Lũy kế 9 tháng, vốn đầu tư công giải ngân đạt 642.962 tỷ đồng, +50,3% so với cùng kỳ năm 2025 và hoàn thành 64,6% kế hoạch năm.
- Vốn FDI đăng ký trong tháng 9 đạt 9,73 tỷ USD (+278,6% MoM) và lũy kế 9 tháng đạt 50,36 tỷ USD, +76,5% YoY và +49,5% so với cả năm 2025. Đáng chú ý từ đầu năm, vốn đăng ký mới tăng 136% so với cùng kỳ trong đó Singapore và Hàn Quốc chiếm 51%. Giải ngân FDI tháng 9 đạt 3,82 tỷ USD, +71,3% MoM, lũy kế đạt 21,07 tỷ USD, +12% YoY, duy trì tăng trên 10% tháng thứ 4 liên tiếp.

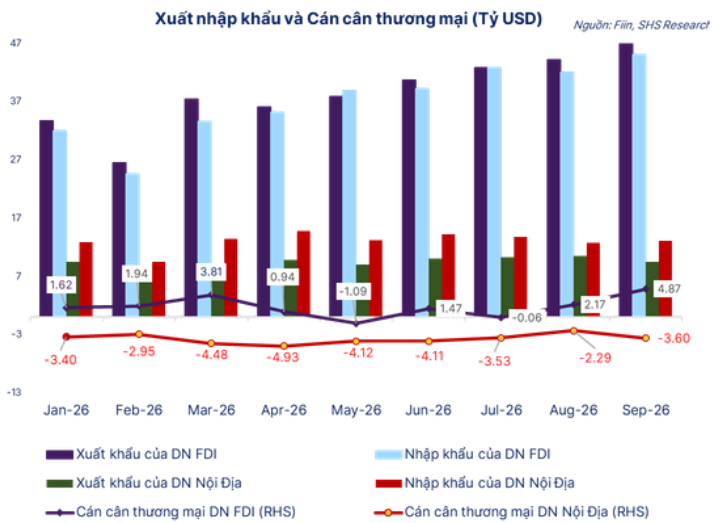
## Tỷ giá ổn định

- Tỷ giá tiếp tục xu hướng giảm nhẹ từ tháng 8, tỷ giá giao ngay (spot) tại thời điểm cuối tháng giảm xuống 25.964 đồng/USD, tương ứng mức giảm 0,43% MoM và giảm 1,2% YTD. Đà giải ngân tích cực của dòng vốn FDI và việc một số ngân hàng huy động được ngoại tệ thông qua các khoản tín dụng với nước ngoài đã giúp cho nguồn cung trở nên dồi dào hơn là yếu tố chính hỗ trợ cho thị trường trong nước.
- Thị trường liên ngân hàng ổn định hơn.** Tăng trưởng tín dụng tính tới 30/9/2026 đạt 11,59%, tương ứng tăng thêm 1,35% (250.830 tỷ đồng) so với 28/8/2026. Mức chênh lệch giữa tăng trưởng huy động và tín dụng tại thời điểm 28/9/26 cũng thu hẹp xuống còn 1,11% so với mức 3,65% tại cuối năm 2025. Thị trường liên ngân hàng trong tháng 9 ổn định và lãi suất O/N có xu hướng giảm và chỉ biến động tại ngày cuối tháng dù SBV rút ròng tổng cộng 86.781 tỷ trong cả tháng.



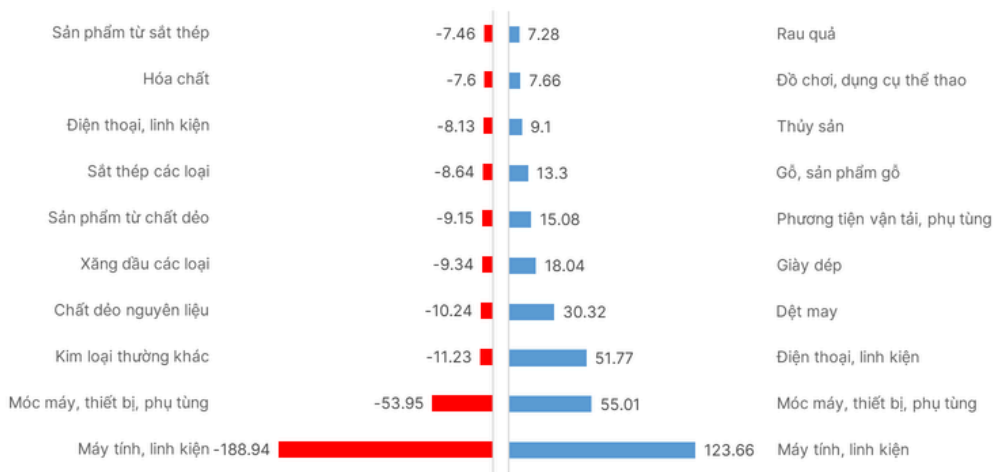
# KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

## Cán cân thương mại thặng dư lần đầu tiên trong năm



- Xuất khẩu tháng 9 tăng 39,1% YoY, mức tăng mạnh nhất theo tháng trong vòng 32 tháng, đạt 59,48 tỷ USD. Khối doanh nghiệp FDI đóng góp chính trong mức tăng này với mức +12,8% MoM và 47,2% YoY trong khi khối doanh nghiệp trong nước -9% MoM và +9,2% YoY. Lũy kế 9 tháng kim ngạch xuất khẩu đạt 434,3 tỷ USD (+24,5% YoY).
- Nhập khẩu tháng 9 đạt 58,2 tỷ USD (+6% MoM, +46,2% YoY) trong đó khối FDI chiếm 77,4%. Trong khi khối này tăng quy mô xuất siêu từ 2,17 tỷ USD của tháng 8 lên tới 4,87 tỷ USD (+124,4% MoM), khối doanh nghiệp nội lại tăng nhập siêu 57,2% lên 3,6 tỷ USD. Nhờ vậy, tháng 9 cán cân thương mại lần đầu tiên đạt thặng dư 1,29 tỷ USD kể từ đầu năm 2026. Lũy kế 9 tháng, tổng giá trị XNK là 888,02 tỷ USD, giá trị nhập siêu giảm xuống 19,42 tỷ USD (cùng kỳ xuất siêu 16,87 tỷ USD).

## TOP 10 mặt hàng xuất, nhập khẩu chính (tỷ USD)



Nguồn: Fiingroup

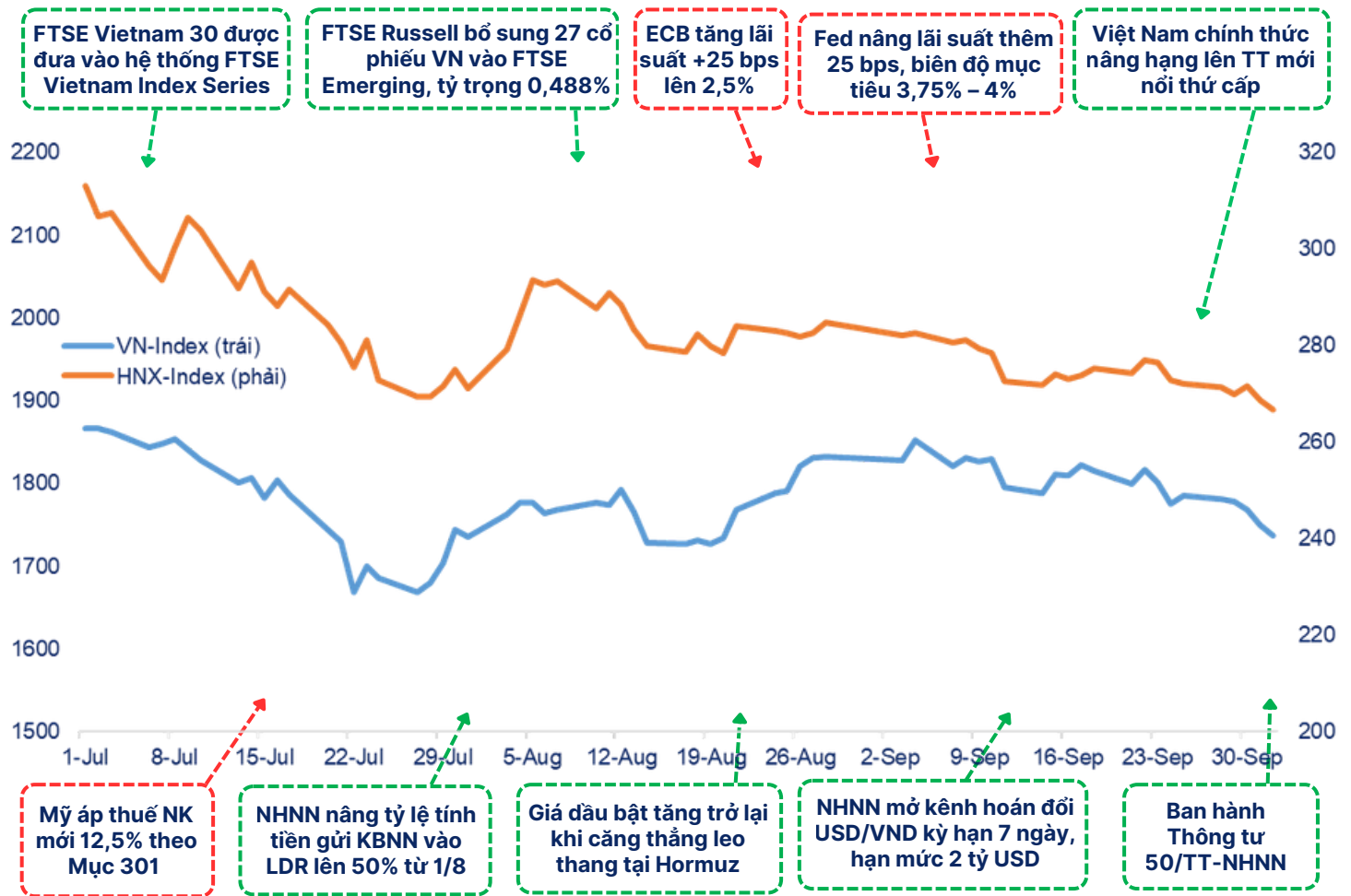
| Thống Kê                                        | Jan-26  | Feb-26  | Mar-26  | Apr-26 | May-26 | Jun-26 | Jul-26 | Aug-26 | Sep-26 |
|-------------------------------------------------|---------|---------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY) | 19.42%  | 0.60%   | 7.20%   | 9.30%  | 10.14% | 12.71% | 14.50% | 14.40% | 16.70% |
| PMI (điểm)                                      | 52.5    | 54.3    | 51.2    | 50.5   | 52.8   | 51.8   | 52.9   | 53.3   | 51.9   |
| Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)               | 9.30%   | 7.90%   | 10.90%  | 11.10% | 11.20% | 12.90% | 13.10% | 13.30% | 13.40% |
| FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)                   | 11.30%  | 8.80%   | 9.10%   | 9.80%  | 9.60%  | 11.20% | 11.80% | 12.01% | 12.10% |
| FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)                     | -40.50% | -12.70% | 42.90%  | 35.50% | 35%    | 61.10% | 58.00% | 55.40% | 76.40% |
| Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)            | 30%     | 18.63%  | 19%     | 20%    | 19.89% | 21.45% | 21.70% | 22.40% | 24.50% |
| Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)           | 49.60%  | 26%     | 26.69%  | 29.08% | 30.08% | 33%    | 34.80% | 35.30% | 36.70% |
| Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)         | -1.78   | -1.01   | -0.68   | -3.99  | -5.21  | -2.64  | -3.59  | -0.12  | 1.29   |
| Lạm phát (% YoY)                                | 2.53%   | 3.35%   | 4.65%   | 5.46%  | 5.60%  | 4.69%  | 4.45%  | 4.89%  | 5.08%  |
| Lạm phát cơ bản (YTD % YoY)                     | 3.19%   | 3.74%   | 3.96%   | 4.66%  | 4.67%  | 4.50%  | 4.19%  | 4.24%  | 4.45%  |
| Tăng trưởng tín dụng (% YTD)                    | 1.19%   | 1.33%   | 3.18%   | 4.59%  | 5.71%  | 7.73%  | 8.38%  | 10.24% | 11.59% |
| Lãi suất liên ngân hàng ON (%) cuối tháng       | 5.40%   | 4.60%   | 6.55%   | 6.27%  | 7.03%  | 7.30%  | 6.50%  | 7.10%  | 7.13%  |
| CDS 5 năm                                       | 78.68   | 82.545  | 103.465 | 97.755 | 89.155 | 85.97  | 88.505 | 84.865 | 95     |
| USD/VND (% MoM)                                 | -1.33%  | 0.42%   | 1.08%   | 0.03%  | -0.13% | 0.01%  | -0.06% | -0.80% | -0.42% |



[\(Trở về trang mục lục\)](#)

# Nhìn lại TTCK THÁNG 09/2026

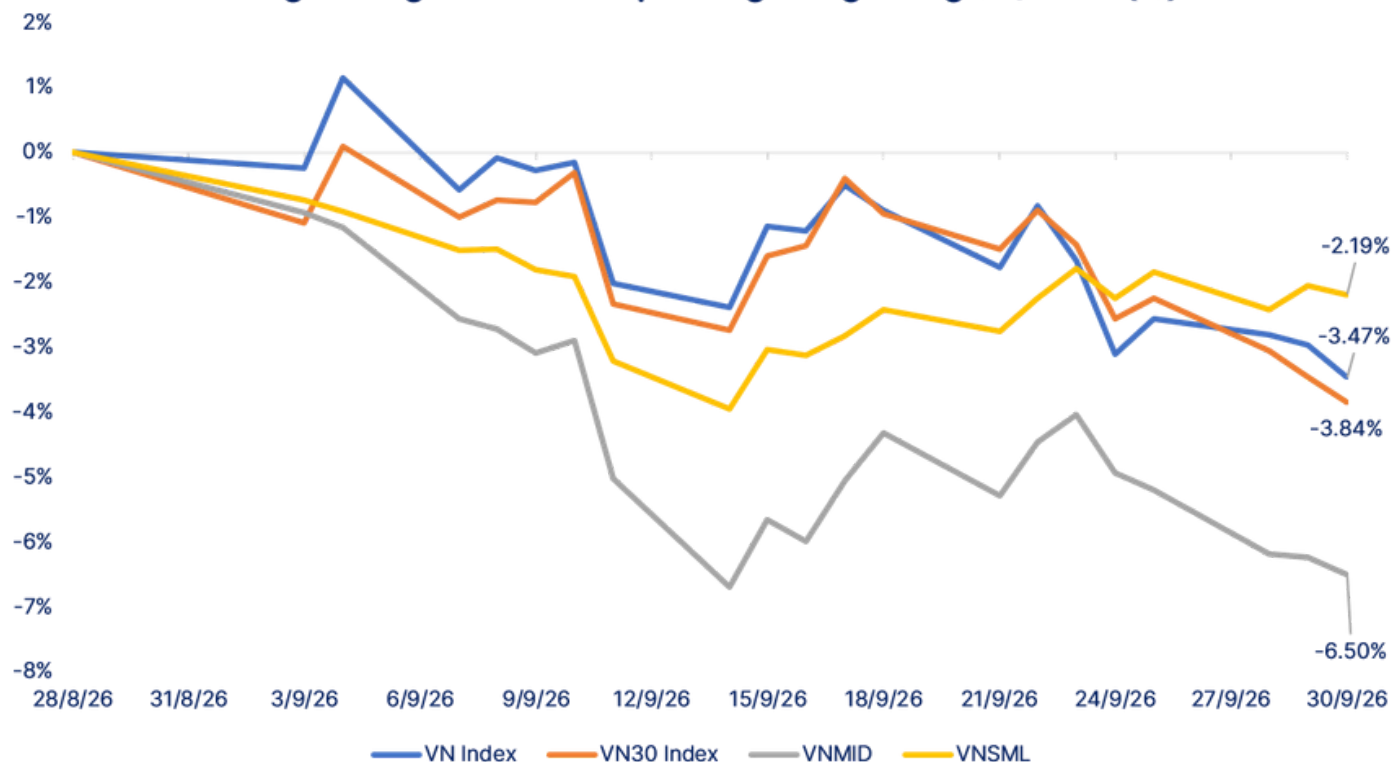
([Trở về trang mục lục](#))



- Trong tháng 9, VN-Index giảm 3,47% so với tháng 8. Tính từ đầu năm, VN-Index tăng 0,12%.** Thị trường phân hóa mạnh và hầu hết các nhóm vốn hóa đều giảm điểm trong đó nhóm trung bình VN MID (-6,50% MoM) chịu áp lực điều chỉnh mạnh sau tháng 8 phục hồi, tiếp đến là VN30 (-3,84% MoM), VNSML (-2,19 % MoM). Sự kiện chính được chờ đợi trong tháng 9 là Việt Nam đã chính thức được FTSE Russell nâng hạng lên Secondary Emerging Market ngày 21/9/2026. Tuy nhiên diễn biến thị trường chưa như kỳ vọng của nhà đầu tư. Tại HOSE, khối ngoại vẫn gia tăng áp lực bán ròng -4.830 tỷ đồng (182 triệu USD), lũy kế bán ròng -97.882 tỷ đồng (3,7 tỷ USD) từ đầu năm 2026 đến nay.
- Ảnh hưởng chính lên mức giảm chỉ số VN-INDEX trong tháng 9 tiếp tục là nhóm VinGroup** (chiếm 24,7% vốn hóa toàn thị trường) và Ngân hàng (chiếm 25,8% vốn hóa toàn thị trường). Đa phần các nhóm ngành khác đều trong giai đoạn điều chỉnh, tích lũy kéo dài, ngoại trừ nhóm Năng lượng - Dầu khí, Bảo hiểm có xu hướng tăng trưởng khá tích cực.
- Thanh khoản tháng 9 tiếp tục giảm sau khi đạt đỉnh từ tháng 1/2026.** Giá trị giao dịch trung bình quý III thị trường đạt 18.590 tỷ đồng/phiên, giảm -23,2% so với quý II, xu hướng giảm 05 quý liên tiếp.
- Sau tháng 8 phục hồi tích cực, các nhóm ngành phân hóa mạnh trong tháng 9/2026.** Ngoại trừ nhóm Bảo hiểm (+12,94% MoM), Dầu khí (+11,55% MoM) tăng khi lãi suất duy trì ở nền cao và giá dầu tăng, các nhóm ngành khác hầu hết không có nhiều điểm nhấn tích cực. Nhóm giảm mạnh nhất là Hàng cá nhân và Gia dụng (-18,90% MoM) dưới áp lực giảm điểm của PNJ, Dịch vụ tài chính (-10,69% MoM), Tài nguyên cơ bản (-8,03% MoM), Công nghệ thông tin (-5,51% MoM)...

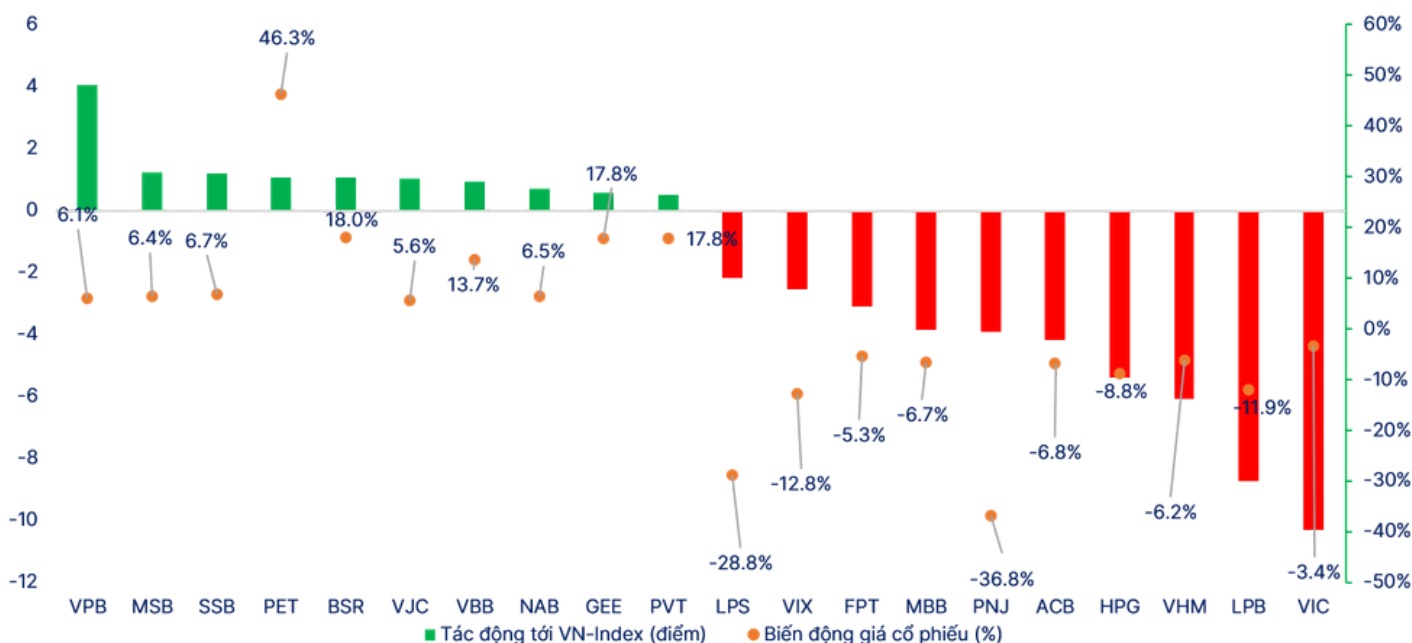
# NHÌN LẠI TTCK THÁNG 09/2026

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 09/2026 (%)



Nguồn: Fiingroup, Bloomberg, SHS Research

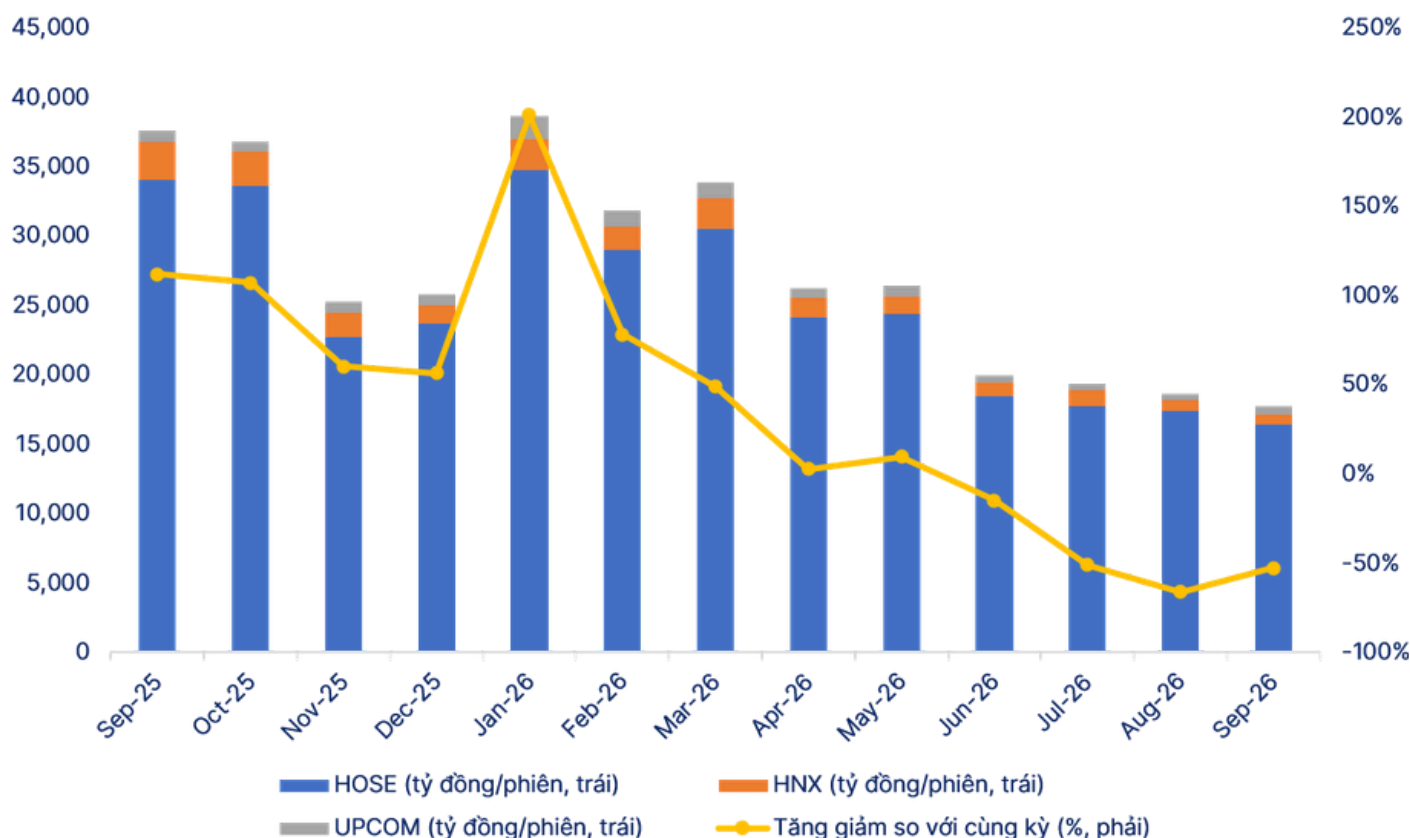
Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong 09/2026



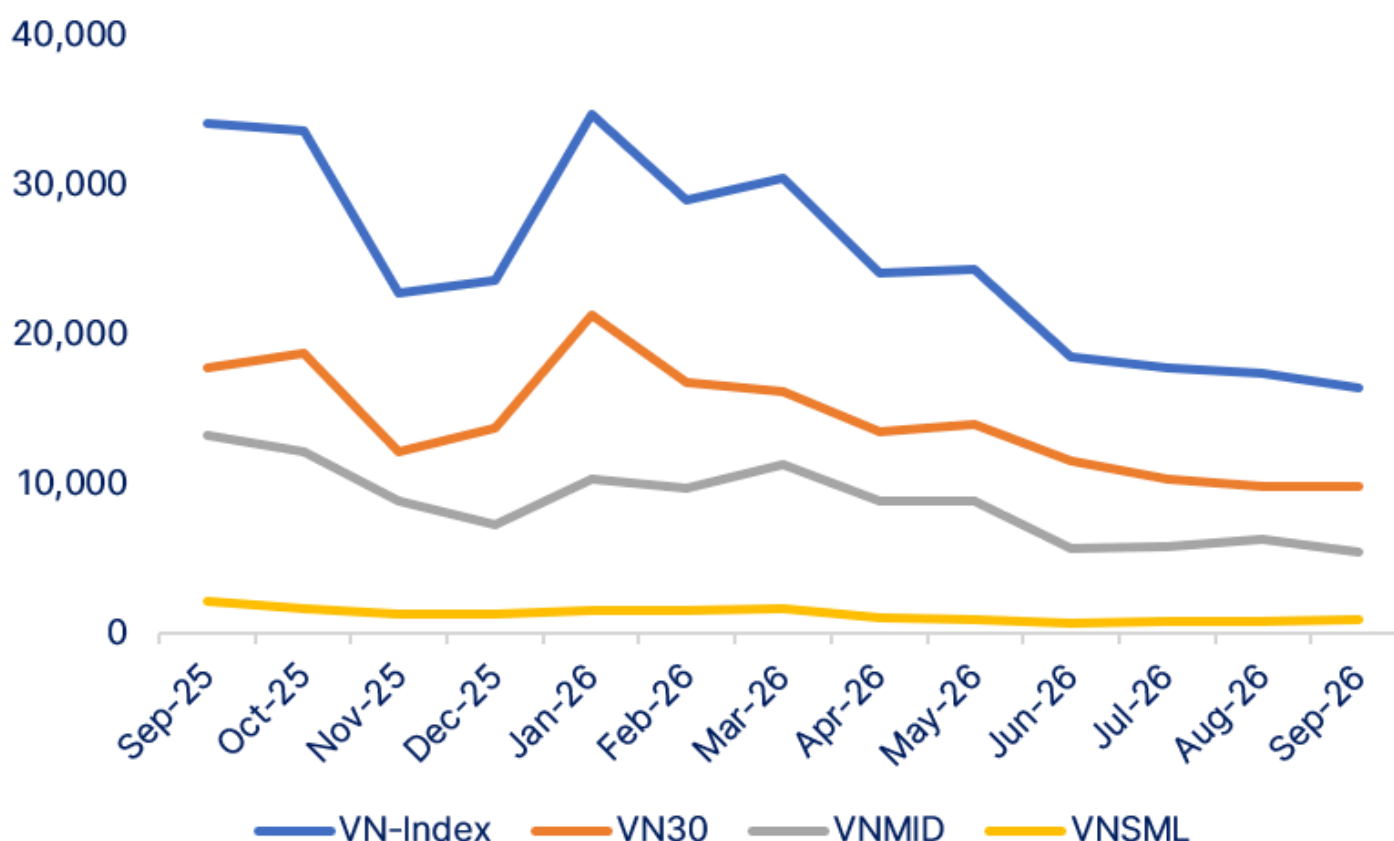
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

# NHÌN LẠI TTCK THÁNG 09/2026

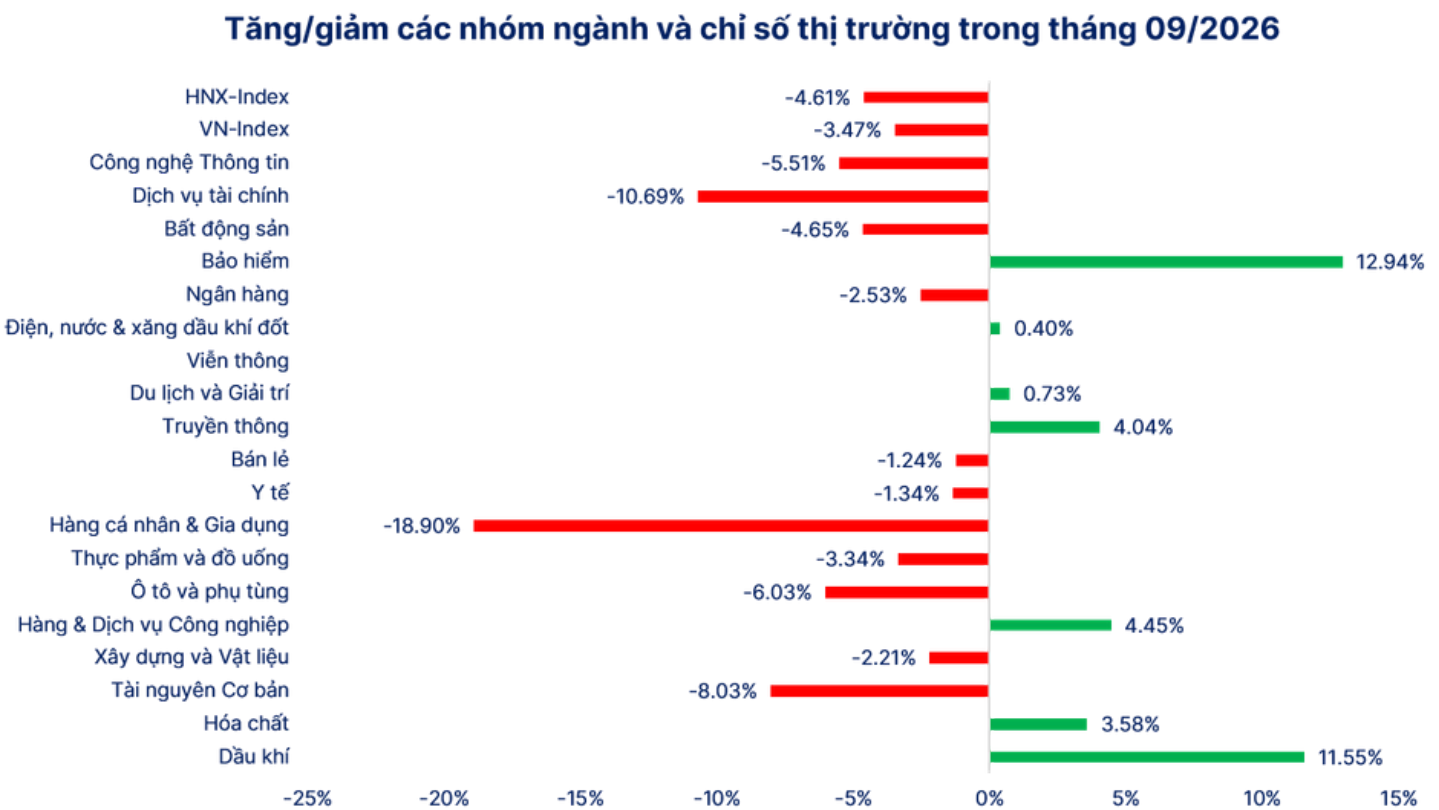
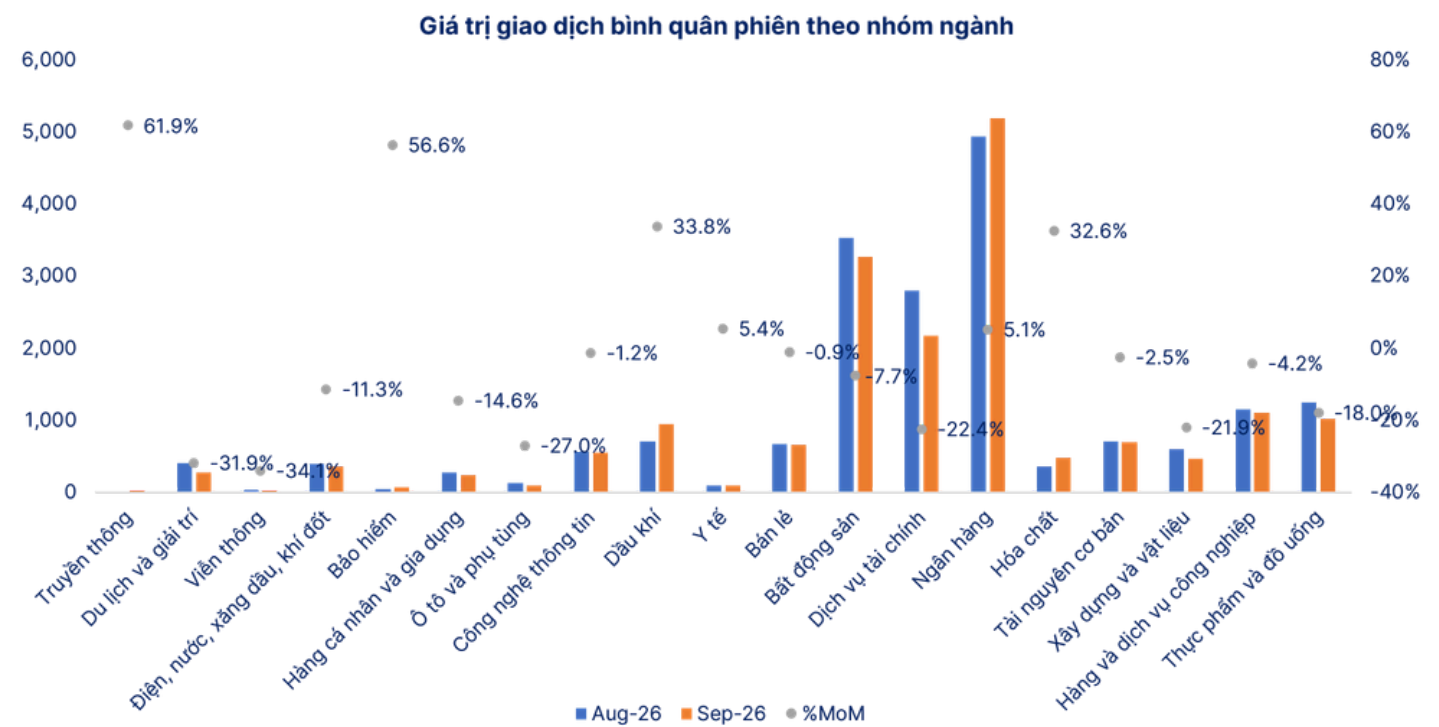
GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



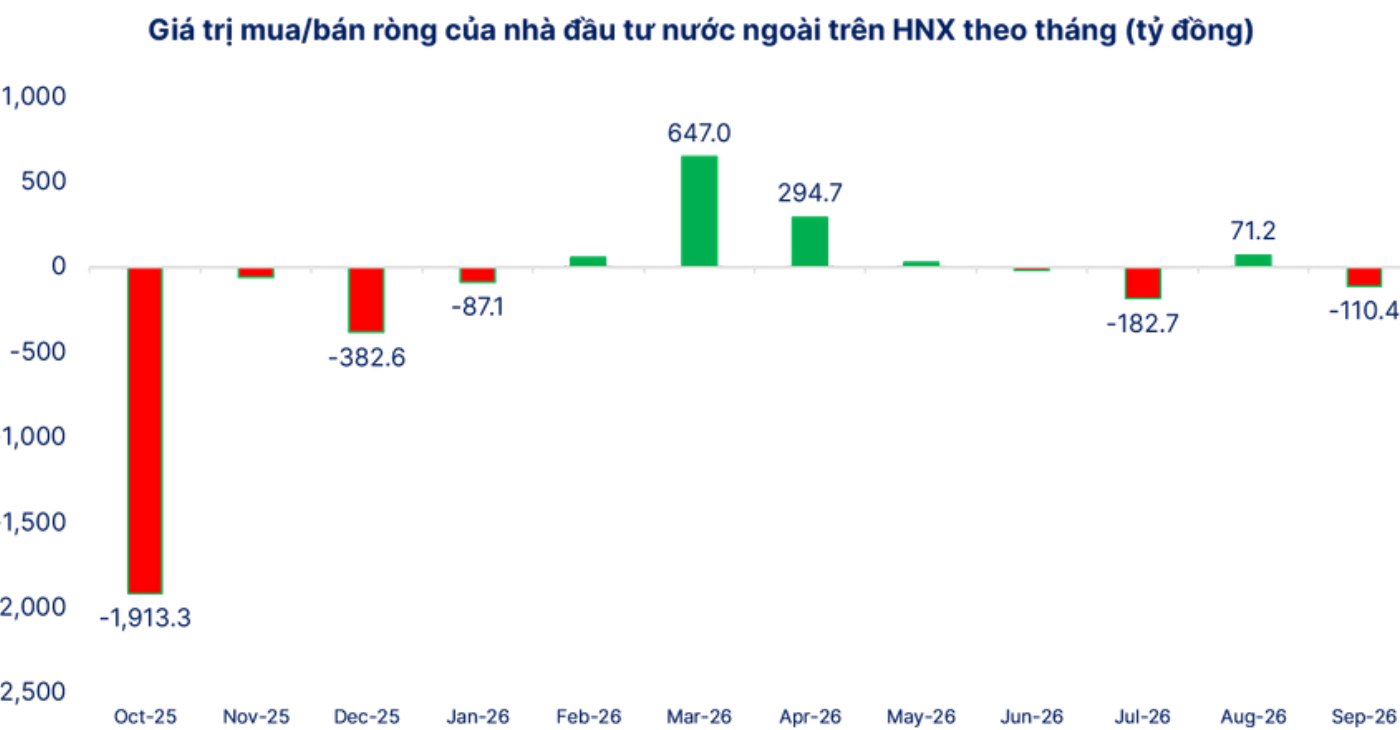
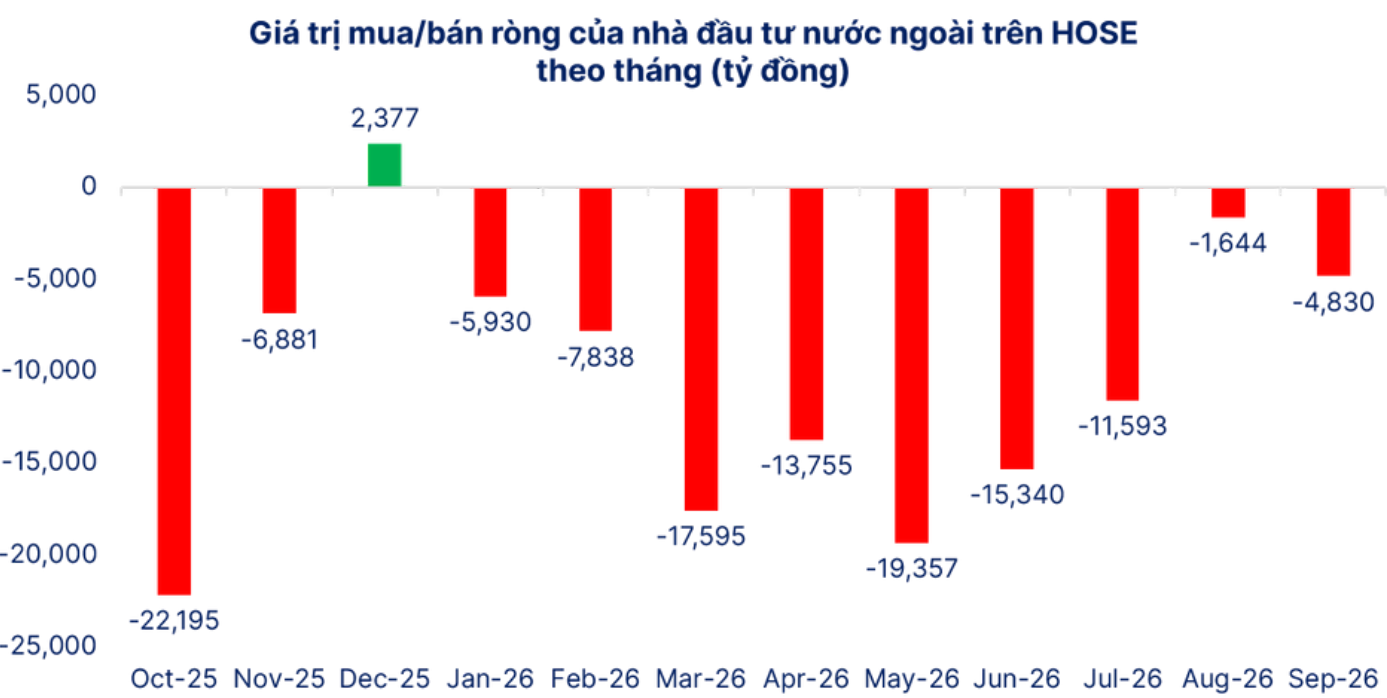
Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ VND)



# NHÌN LẠI TTCK THÁNG 09/2026

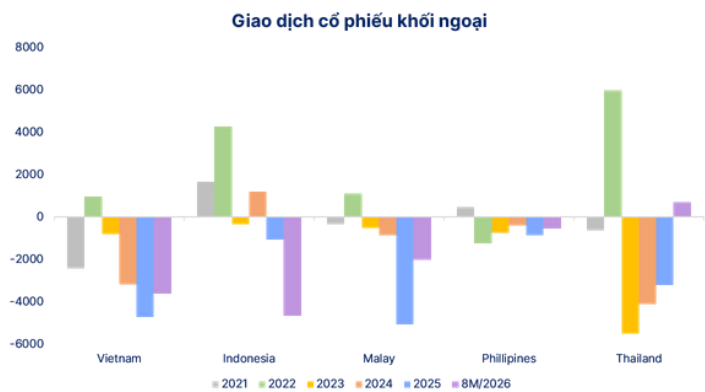


# NHÌN LẠI TTCK THÁNG 09/2026



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

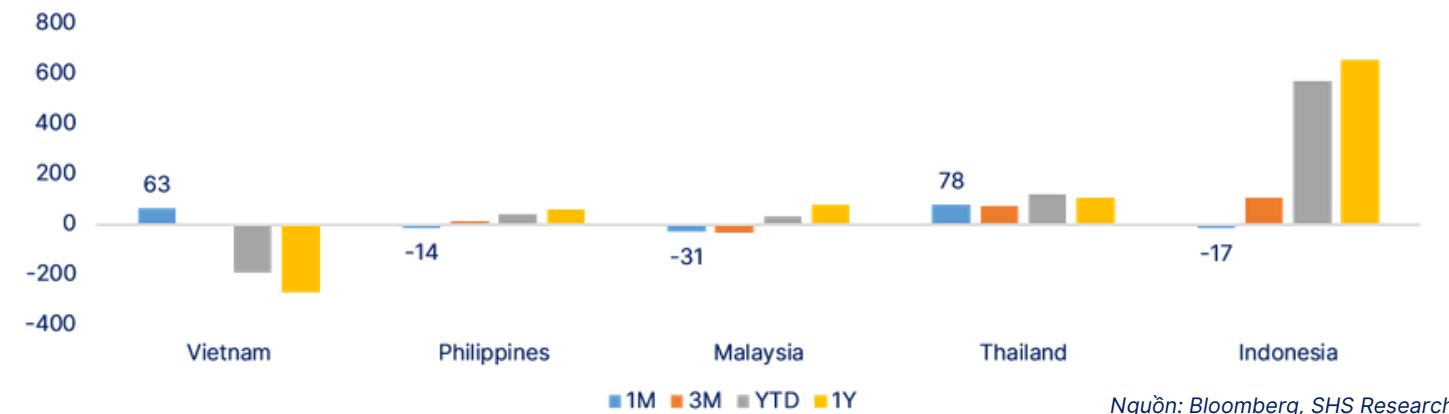
# NHÌN LẠI TTCK THÁNG 09/2026



Trong tháng 9/2026, các quỹ ETF tại Việt Nam **hút ròng** nhẹ với qui mô 63 triệu USD, đảo chiều sau 6 tháng rút ròng liên tiếp. Tại các thị trường khác trong khu vực, dòng tiền ETF hút ròng nhẹ ở Thailand (+78 triệu USD). Trong khi rút ròng ở Malaysia (-31 triệu USD), Indonesia (-17 triệu USD), Philippines (-14 triệu USD) trong tháng 9/2026.

Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại bán ròng mạnh ở Indonesia (-4.679 triệu USD), Malaysia (-2.041 triệu USD), Philipines (-559,1 triệu USD), trong khi mua ròng ở Thái Lan (+708,0 triệu USD).

Dòng vốn ETF theo quốc gia (Triệu USD)



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

| Tên quỹ                               | Tổng AUM (triệu USD) | NAV (USD) | Số lượng CCQ | Dòng vốn ròng |        |         |         |
|---------------------------------------|----------------------|-----------|--------------|---------------|--------|---------|---------|
|                                       |                      |           |              | 1M            | 3M     | YTD     | 1Y      |
| DCVFMVN Diamond ETF                   | 414,5                | 1,3       | 327.600.000  | (1,8)         | 6,6    | (36,7)  | (24,9)  |
| Fubon FTSE Vietnam ETF                | 329,5                | 0,6       | 591.238.000  | (9,7)         | (20,6) | (129,1) | (194,8) |
| DCVFMVN30 ETF Fund                    | 221,7                | 1,3       | 170.000.000  | (3,5)         | (2,0)  | (22,5)  | (18,1)  |
| VanEck Vietnam ETF                    | 477,7                | 16,9      | 28.300.000   | (10,3)        | (36,8) | (63,1)  | (52,1)  |
| Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF | 348,8                | 38,9      | 8.893.940    | (8,3)         | (11,1) | (5,9)   | (10,9)  |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF                  | 25,3                 | 1,1       | 23.500.000   | 3,6           | 5,1    | 6,4     | 8,3     |
| KIM INDEX Vietnam VN30 ETF            | 265,3                | 20,8      | 12.900.000   | 88,0          | 59,7   | 45,9    | 29,7    |
| SSIAM VNX50 ETF                       | 7,5                  | 1,1       | 7.000.000    | -             | 2,1    | 1,9     | 2,3     |
| Global x MSCI Vietnam ETF             | 33,9                 | 23,7      | 1.430.000    | -             | (1,3)  | 7,2     | 10,3    |
| SSIAM VN30 ETF                        | 9,7                  | 0,9       | 10.700.000   | 0,2           | 0,9    | 1,4     | 2,1     |
| KIM GROWTH VN30 ETF                   | 89,7                 | 0,5       | 181.700.000  | (0,3)         | (4,9)  | (4,9)   | (7,2)   |

([Trở về trang mục lục](#))

# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 10

**Tìm kiếm cơ hội trong mùa  
báo cáo kết quả kinh doanh**



*(Trở về trang mục lục).*

# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 10-2026

- **Trong tháng 10, tăng trưởng lợi nhuận quý III được kỳ vọng là động lực chính hỗ trợ thị trường.** Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng thanh khoản suy yếu và mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng trong giai đoạn cuối năm theo tính chu kỳ sẽ có thể tạo áp lực lên tâm lý nhà đầu tư và diễn biến thị trường.
- Nhà đầu tư cần lưu ý mức độ phân hóa cao giữa các nhóm ngành và trong từng ngành sẽ tiếp tục diễn ra. Nhóm ngành mà chúng tôi đánh giá Tích cực trong tháng 10 bao gồm: **Bán lẻ, Ngân hàng, Cảng - Vận Tải biển và Năng lượng - Dầu Khí.**
- Hầu hết các cổ phiếu trên thị trường đang giao dịch ở vùng thấp nhất trong lịch sử 5 năm, có thể mang lại **cơ hội đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư.**

Trong tháng 10/2026, thị trường tiếp tục chịu ảnh hưởng chi phối với những yếu tố:

## **Yếu tố tích cực:**

- 1) Kinh tế trên đà tăng trưởng tốt. Mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10% năm 2026.
- 2) Cán cân thương mại chuyển sang thặng dư, giảm áp lực đối với tỷ giá
- 3) Kết quả kinh doanh nhóm doanh nghiệp theo dõi dự báo tăng 20-25% trong Quý III
- 4) Định giá thị trường sau loại trừ nhóm Vingroup ở mức hấp dẫn nhất trong 5 năm gần đây.

## **Yếu tố rủi ro, bất định:**

- 1) Căng thẳng địa chính trị trên thế giới vẫn tiếp diễn.
- 2) Lạm phát, lãi suất toàn cầu ở mức cao.
- 3) Lãi suất trong nước có xu hướng tăng theo chu kỳ trong giai đoạn cuối năm.
- 4) Tỷ lệ dự nợ vay ký quỹ ở mức cao.

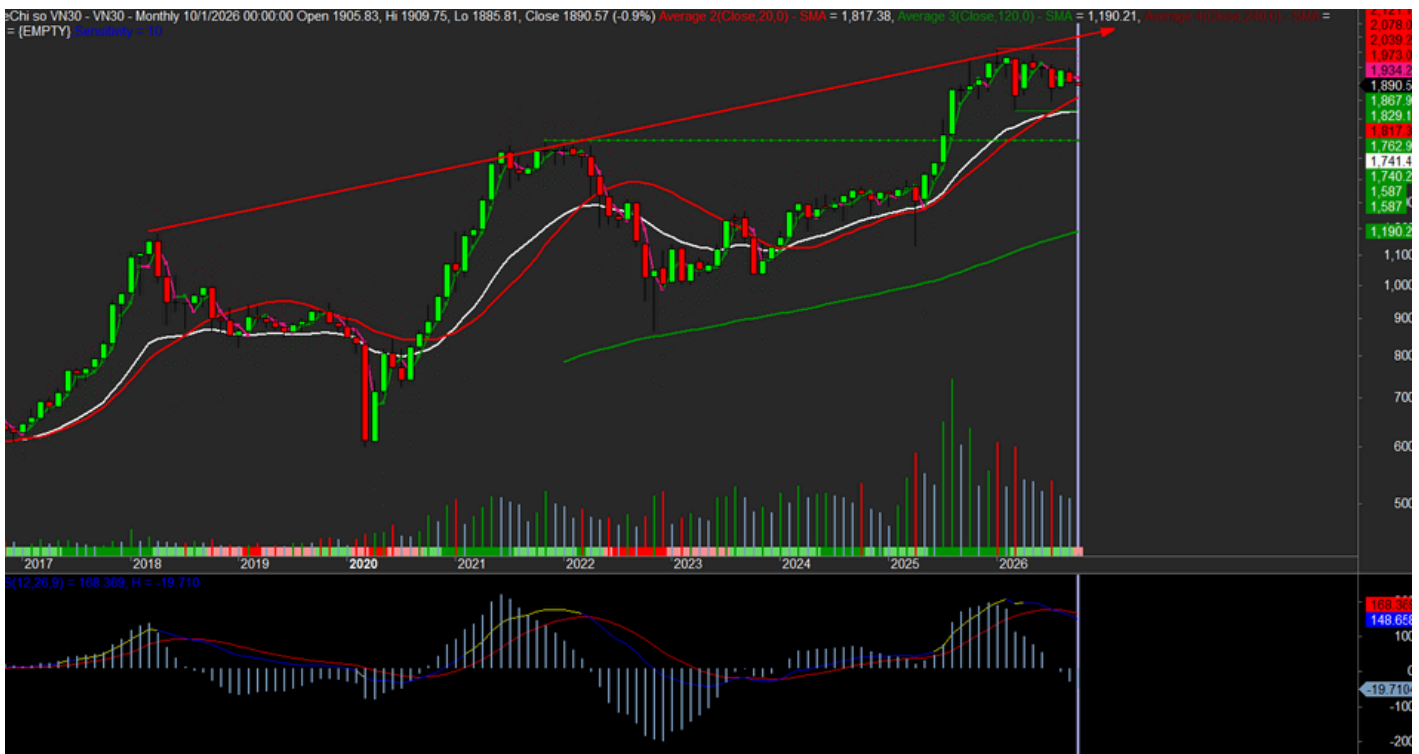
# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 10-2026

## Góc nhìn phân tích kỹ thuật

Trong Báo cáo Chiến lược tháng 9, chúng tôi đã nhận định **áp lực chốt lời tại vùng giá cao sẽ gia tăng khi VN-Index tiếp cận vùng kháng cự mạnh quanh 1.900 điểm**, VN-Index sẽ liên tục điều chỉnh kiểm định lại vùng hỗ trợ 1.800 điểm. Diễn biến thực tế trong tháng 9, VN-Index đã chịu áp lực bán mạnh quanh vùng 1.880 điểm, kết thúc tháng 9 tại 1.768,82 điểm. VN-Index không giữ được vùng hỗ trợ quan trọng 1.800 điểm và đang giao dịch dưới đường trung bình động 200 phiên.

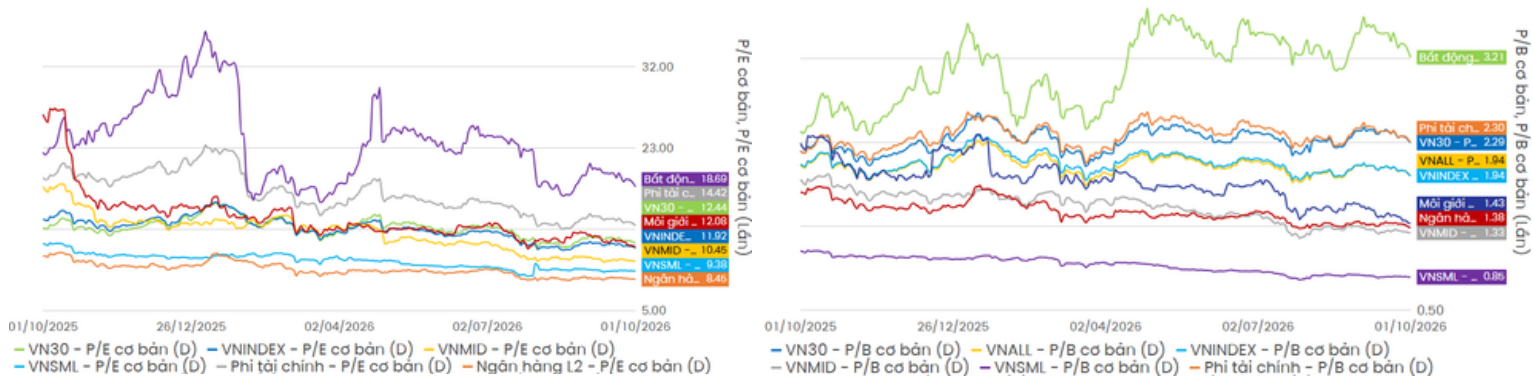
**Trong Q4/2026, xu hướng giá của VN-Index dự kiến vẫn tích lũy trong biên độ hẹp.** Vùng hỗ trợ là 1.710 điểm – 1.730 điểm, tương ứng vùng đáy thiết lập trong tháng 8/2026, kháng cự mạnh quanh 1.800 điểm. Trường hợp tiêu cực, nếu nhóm cổ phiếu Vingroup rủi ro mô hình hai đỉnh trung hạn (double top) và bước vào nhịp điều chỉnh sâu, áp lực lên các cổ phiếu vốn hóa lớn có thể kéo VN-Index về vùng hỗ trợ mạnh 1.600 điểm – 1.650 điểm, trước khi hình thành nền giá và phục hồi trở lại vùng 1.800 điểm.

**Xét theo diễn biến ngành, Năng lượng – Dầu khí, Cảng - Vận Tải Biển, Khoáng sản - Kim loại quý hiếm và Bảo hiểm hiện là những nhóm vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng.** Trong khi Cao su thiên nhiên đang cho tín hiệu phục hồi. Phần lớn các nhóm ngành còn lại xu hướng trung dài hạn đều có trạng thái điều chỉnh hoặc tích lũy kéo dài. Thị trường chưa xuất hiện nhiều cơ hội đầu tư có khả năng tạo alpha vượt trội.

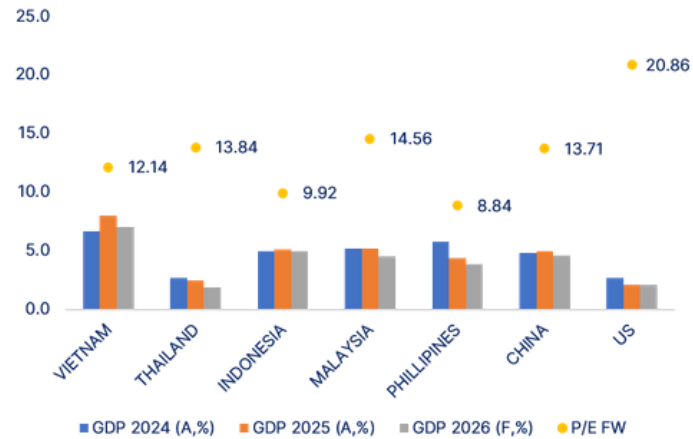


TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 10-2026

Cuối quý III/2026, vốn hóa toàn thị trường khoảng 408 tỷ USD, ~79% GDP 2025, sau khi loại trừ nhóm VinGroup là 307 tỷ USD, với các thông số định giá cơ bản P/E 10,2; P/B 1,57, mức thấp trong vòng nhiều năm gần đây.



TTCK VN so với các nước trên thế giới



Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2026



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, SHS Research  
Ghi chú: Dữ liệu tính toán tại ngày 30/09/2026

LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 10 - 2026

([Trở về trang mục lục](#))



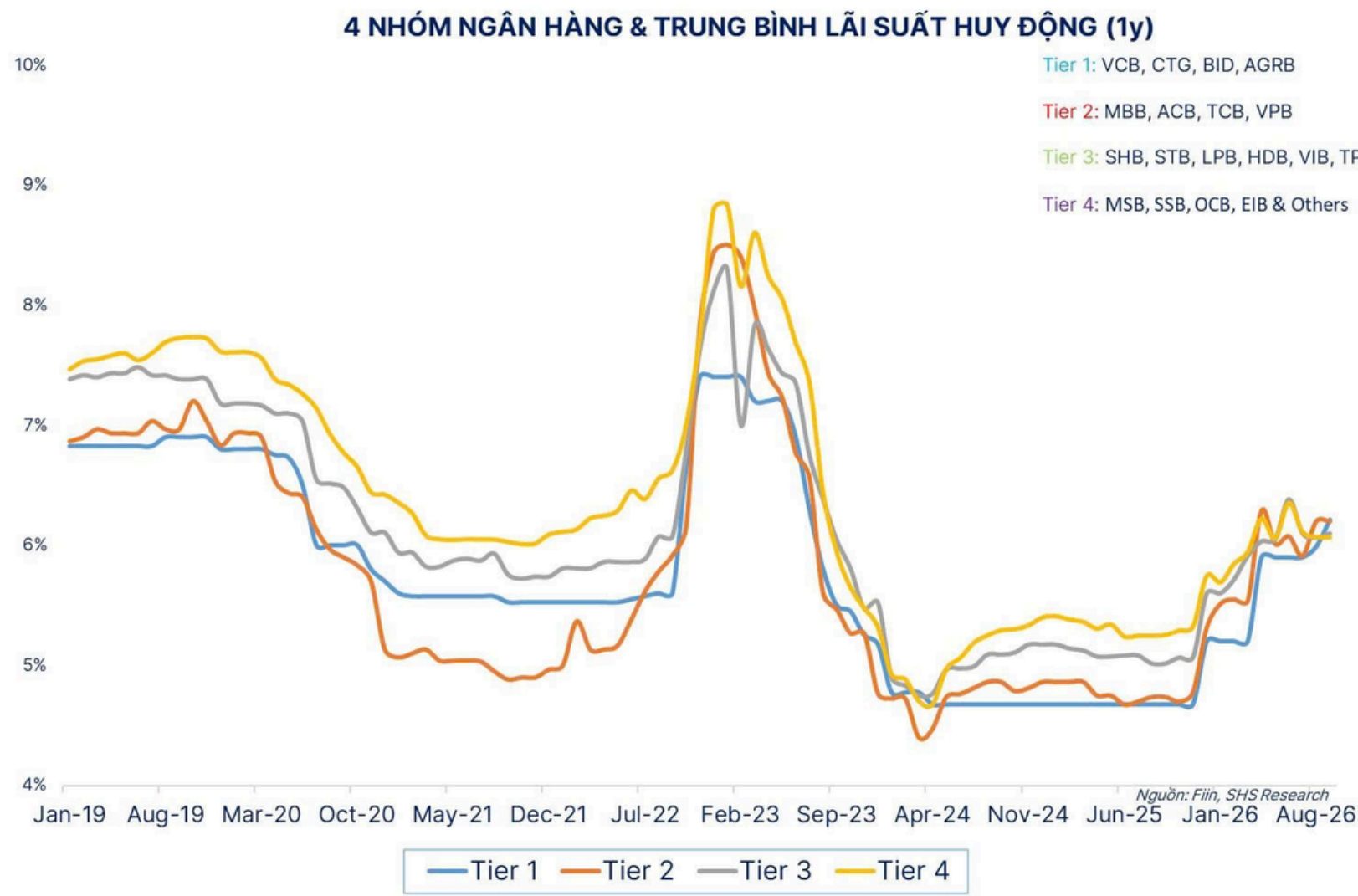
Nguồn: SHS Research

# DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ

# CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH LÃI SUẤT TĂNG

## Lãi suất

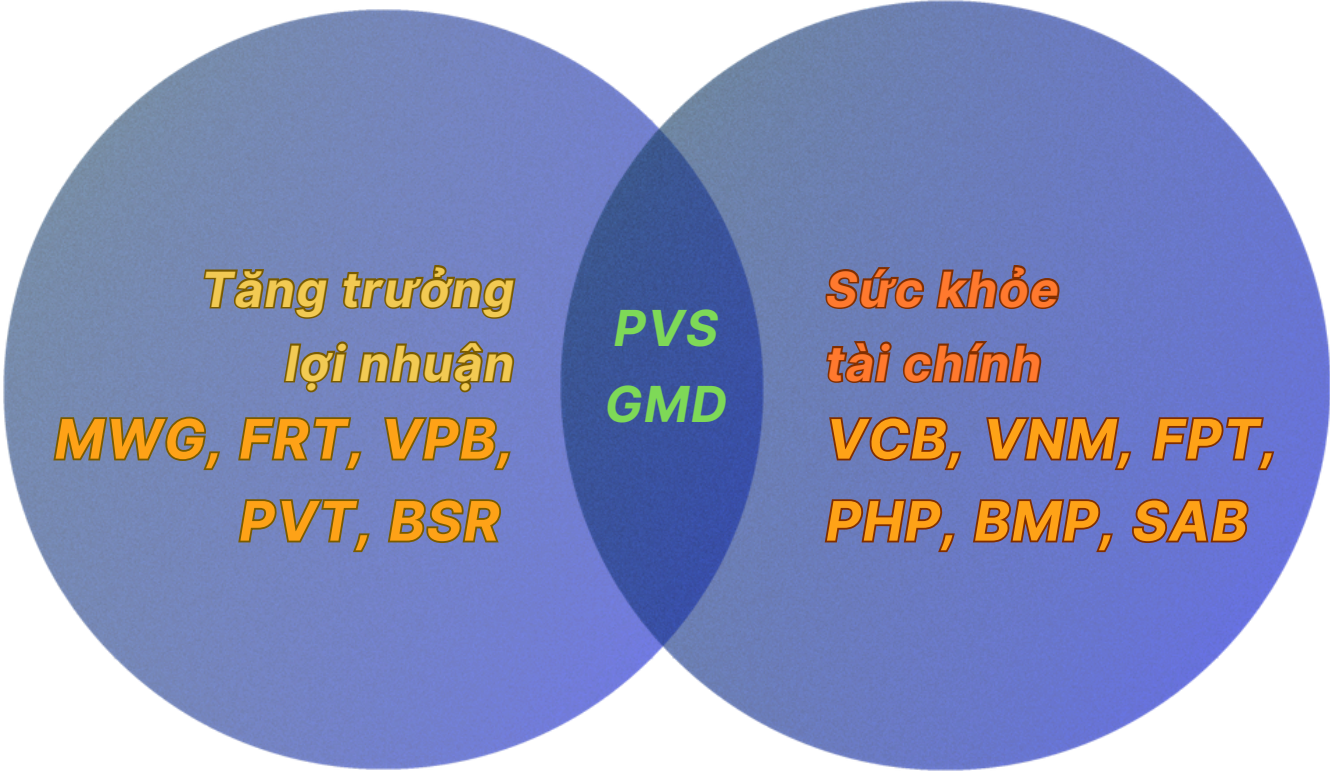
- Với các số liệu lạm phát, thị trường lao động tại Mỹ mới công bố, xác suất Fed tăng lãi suất tại kỳ họp tháng 10 thấp, tuy nhiên khả năng trong bối cảnh biến động giá dầu như hiện tại khả năng tăng thêm 0,25% trong tháng 12 vẫn để ngỏ.
- Giai đoạn Quý IV thường là thời kỳ cao điểm của các hoạt động kinh tế, giải ngân đầu tư kéo theo nhu cầu về tín dụng khá lớn từ hệ thống ngân hàng. Điều này kết hợp với việc chỉ số giá cả trong nước tăng, lãi suất bên ngoài neo cao, mặt bằng lãi suất trong nước được dự báo sẽ chưa thể sớm hạ nhiệt.



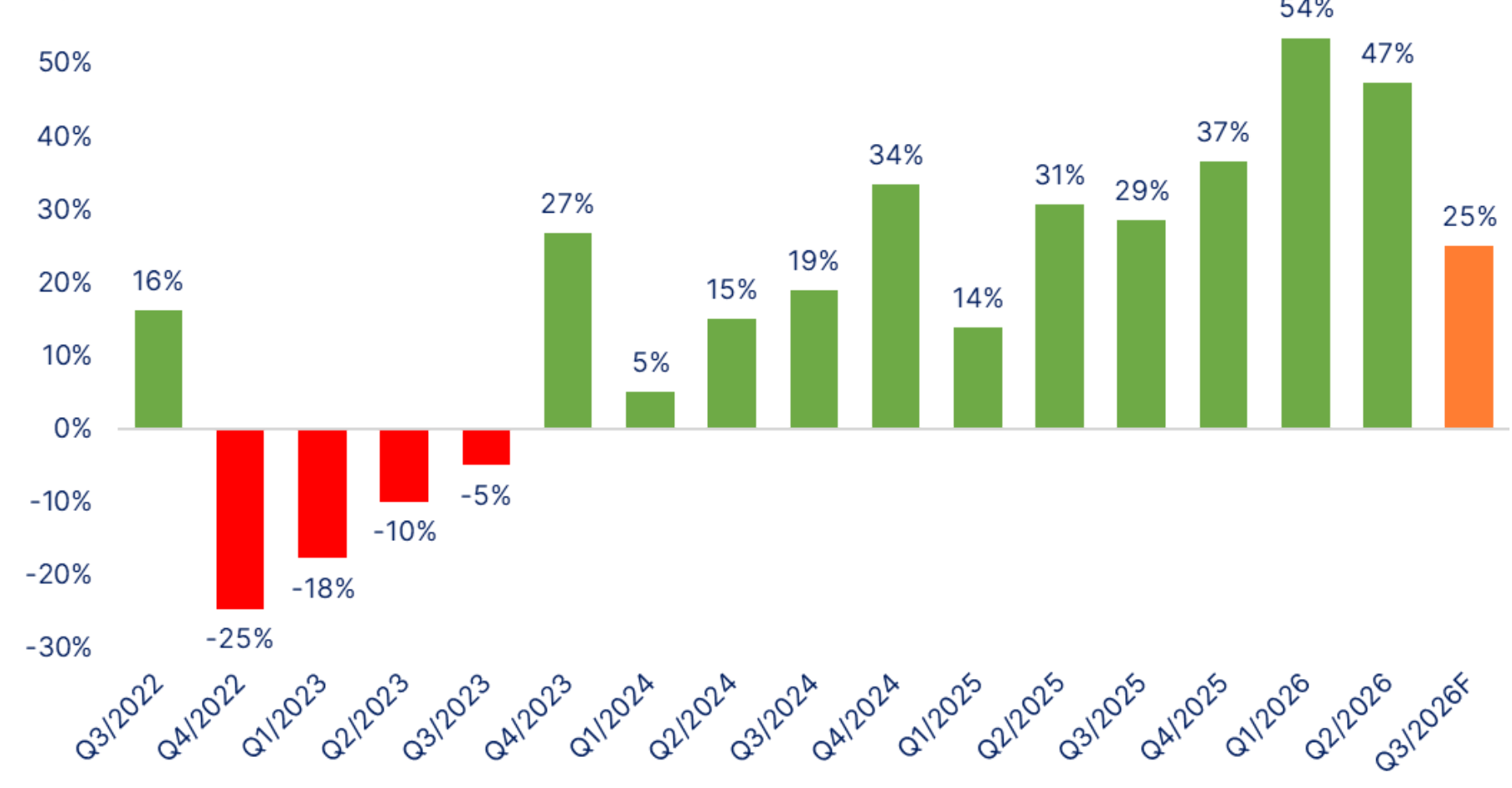
## Chiến lược đầu tư

Chúng tôi cho rằng chiến lược lựa chọn cổ phiếu trong giai đoạn hiện nay nên ưu tiên các tiêu chí sau:

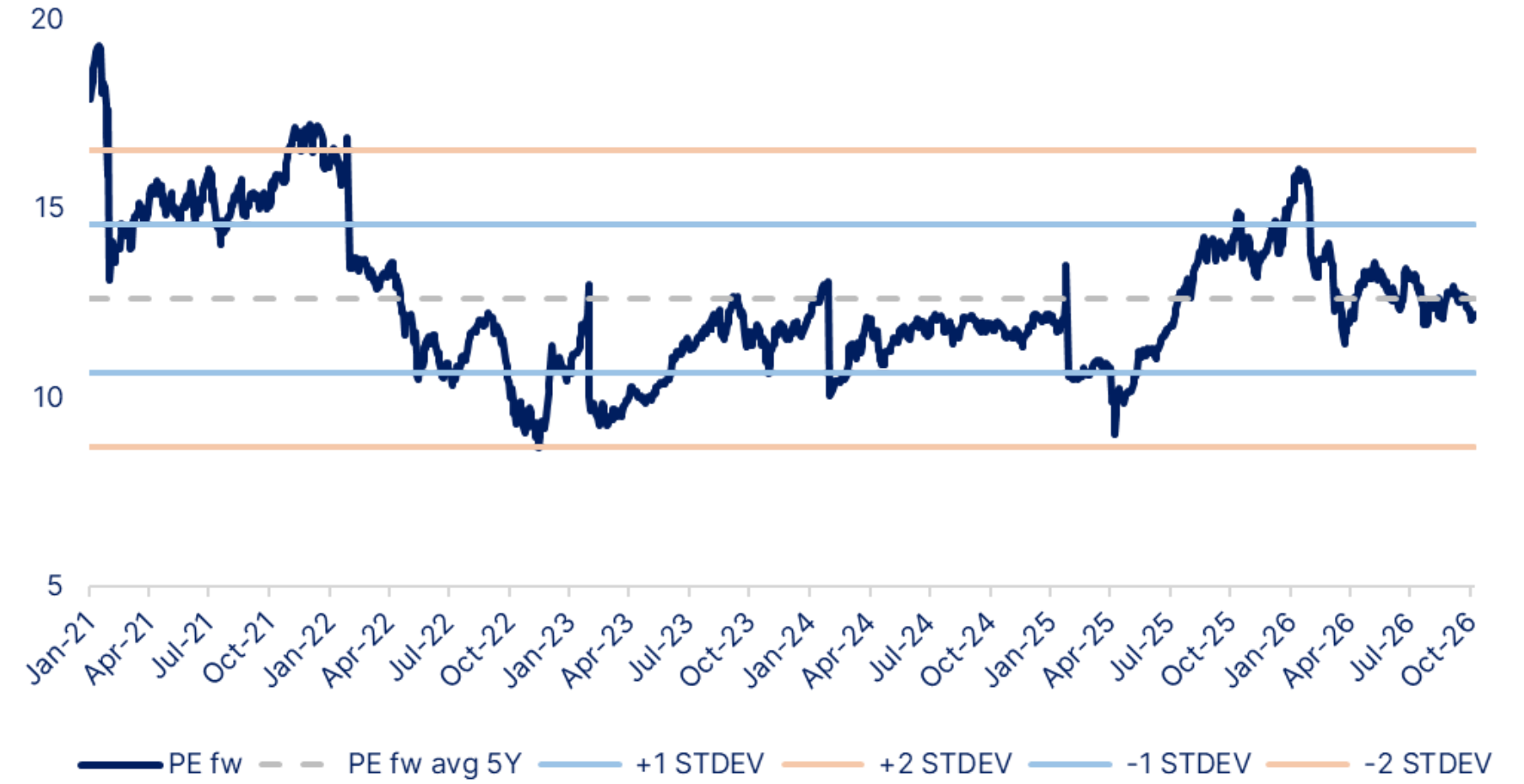
- Tăng trưởng:** Ưu tiên chọn các doanh nghiệp đầu ngành, có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận rõ ràng.
- Sức khỏe tài chính:** Bộ đệm tiền mặt lớn, nợ vay thấp, dòng tiền từ hoạt động đủ khả năng trả lãi vay, có lịch sử trả cổ tức tốt.
- Ngành quan tâm:** Ngân hàng, Dầu khí, Bán lẻ, Năng lượng, Cảng biển.
- Mức độ phân hóa** trong từng ngành dự báo ở mức cao nên hiệu quả đầu tư sẽ phụ thuộc nhiều vào lựa chọn đúng cổ phiếu.



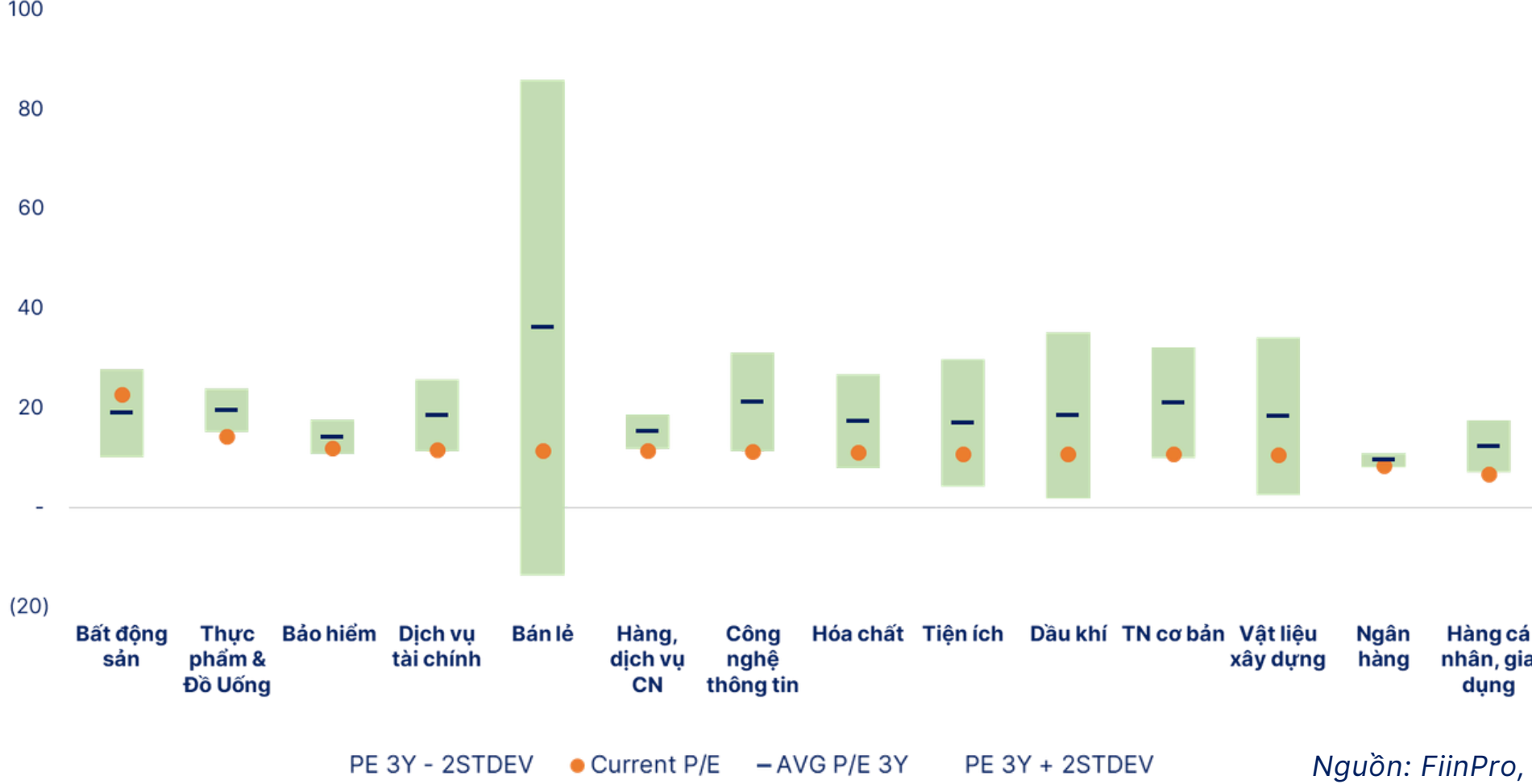
Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế (YoY) trên HOSE



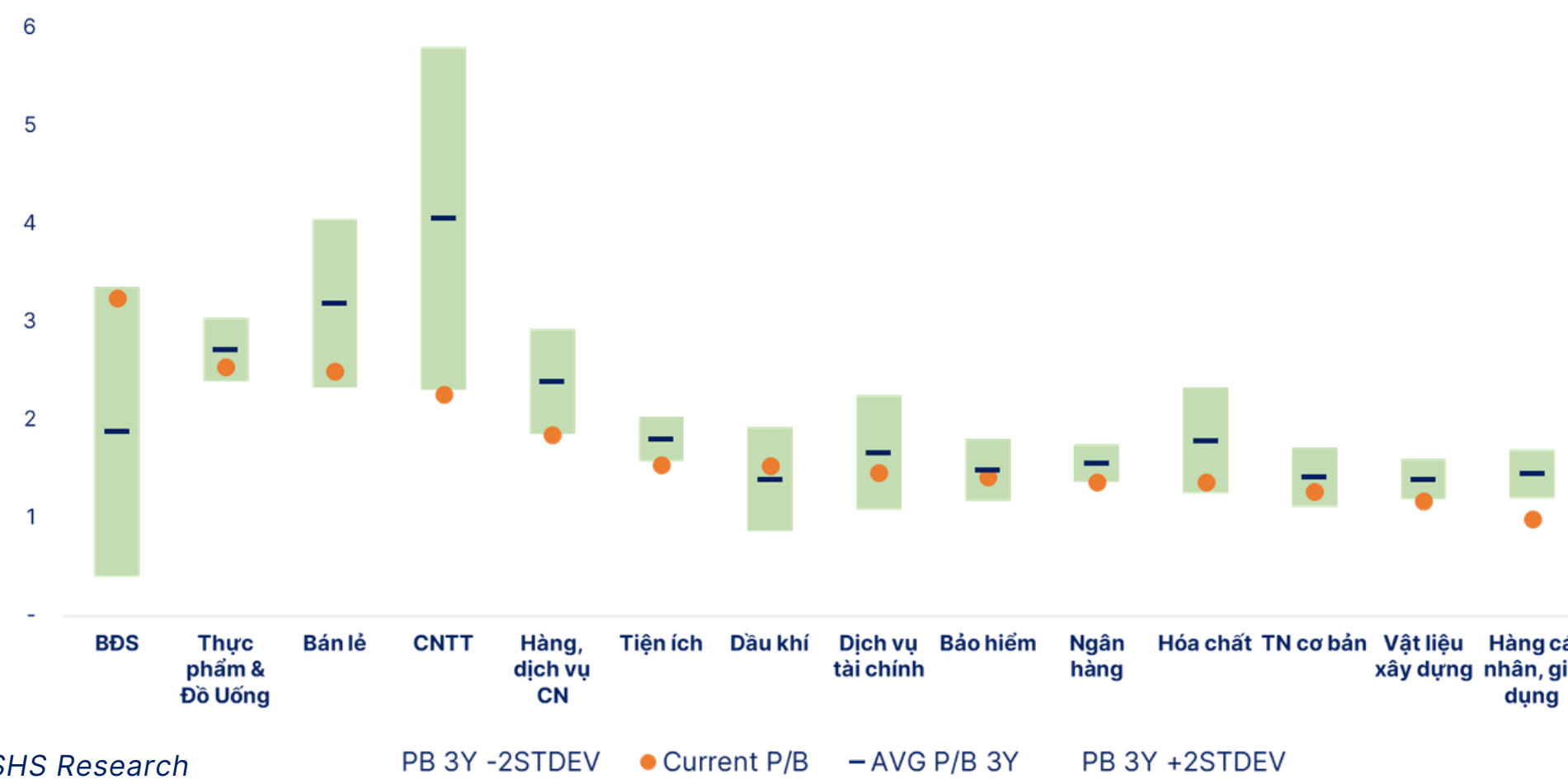
VNINDEX - PE dự phóng



Chỉ số PE 3 năm (HOSE+HNX+UPCOM)



Chỉ số PB 3 năm (HOSE+HNX+UPCOM)



Nguồn: FiinPro, SHS Research

## THỐNG KÊ DỰ BÁO NGÀNH

### Tăng trưởng lợi nhuận tích cực nhưng phân hóa mạnh

- Lợi nhuận Q3/2026 của 87 doanh nghiệp trong mẫu dự báo đạt khoảng 159.400 tỷ đồng, tăng 22% YoY, nhưng mức tăng tập trung vào một số ngành và doanh nghiệp lớn. So với Q2/2026, đà tăng lợi nhuận có dấu hiệu chậm lại khi nhiều doanh nghiệp lớn giảm lợi nhuận theo quý và các yếu tố hỗ trợ trong nửa đầu năm dần suy yếu. Loại trừ bất động sản, tăng trưởng chỉ còn 16%; riêng nhóm này đóng góp khoảng 1/3 phần lợi nhuận tăng thêm dù chỉ chiếm 13% tổng lợi nhuận. Ngân hàng chiếm 57% tổng lợi nhuận, tăng 17% YoY và tiếp tục là trụ cột của thị trường. Trong khi đó, 6/14 ngành ghi nhận lợi nhuận suy giảm, cho thấy mức độ phân hóa cao.

| Ngành                | Tăng trưởng Q3F YoY | Tăng trưởng 2026F YoY | Nhận định về ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------------|---------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| BDS dân cư           | 127%                | 67%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Tăng trưởng được dẫn dắt bởi số ít doanh nghiệp đầu ngành nhờ chu kỳ bàn giao sản phẩm đã bán và các giao dịch bán sỉ ở các đại dự án.</li><li>Thanh khoản thị trường giảm trong bối cảnh lãi suất tăng có thể tác động tới sức mua và khiến cho giá bán đi ngang hoặc giảm.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Dầu khí              | 107%                | 99%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Ngành dầu khí Việt Nam đang đứng trước chu kỳ đầu tư mới với động lực từ an ninh năng lượng, giá dầu thuận lợi và các dự án thượng nguồn được đẩy mạnh. Hạ tầng khí - khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) và năng lực lọc hóa dầu cũng mở ra dư địa tăng trưởng mới cho toàn ngành.</li><li>Vận tải dầu khí vẫn là điểm sáng nhờ giá cước tàu dầu neo cao trong bối cảnh căng thẳng tại eo Hormuz chưa hạ nhiệt.</li></ul>                                                                                                                                                                           |
| Bán lẻ               | 57%                 | 32%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Ngành bán lẻ duy trì triển vọng tích cực nhưng phân hóa theo từng phân khúc. Sức cầu nội địa đang cải thiện và bước vào mùa tiêu dùng cao điểm, song áp lực lạm phát gia tăng có thể ảnh hưởng đến sức mua và biên lợi nhuận của doanh nghiệp.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Thép & VLXD          | 39%                 | 65%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Lợi nhuận ngành kỳ vọng cải thiện so với quý trước nhờ giá HRC phục hồi từ tháng 9, giúp biên lợi nhuận tăng trở lại, trong khi nhu cầu được hỗ trợ bởi mùa cao điểm xây dựng, đầu tư công. Rủi ro gồm chi phí tài chính cao và giá nguyên liệu tăng.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Hàng tiêu dùng & F&B | 35%                 | 30%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Động lực của ngành đến từ mở rộng chuỗi bán lẻ hiện đại, sản phẩm mới. Tuy nhiên, giá nguyên liệu đầu vào tăng, chi phí khuyến mãi lớn và sức mua yếu tiếp tục gây áp lực lên biên lợi nhuận.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| BDS KCN & Cao su     | 30%                 | 23%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Ngành bất động sản KCN và cao su duy trì triển vọng khả quan. Nhóm KCN được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI tăng trưởng tốt, hạ tầng được đẩy mạnh và rủi ro thuế quan dần giải tỏa. Nhóm cao su hưởng lợi khi giá cao su vượt đỉnh 10 năm do giá dầu biến động và sản lượng mủ suy giảm. Tuy nhiên, lợi nhuận ngành bất động sản KCN phụ thuộc nhiều vào tiến độ bàn giao đất và các khoản đền bù, nên có thể biến động giữa các quý.</li></ul>                                                                                                                                                        |
| Ngân hàng            | 17%                 | 22%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Lợi nhuận ngân hàng được kỳ vọng tiếp tục tăng nhờ mùa cao điểm giải ngân cuối năm. Cho vay hạ tầng trọng điểm và chuyển dịch sang kỳ hạn dài hỗ trợ NIM, nhất là ở nhóm quốc doanh.</li><li>Tuy vậy, rủi ro nợ xấu và chi phí dự phòng tăng là yếu tố cần theo dõi.</li><li>Về trung hạn, Thông tư 50 không mở rộng thực chất dư địa cho vay. Ngân hàng có nền tiền gửi dân cư, CASA ổn định, vốn mạnh sẽ có lợi thế, còn ngân hàng phụ thuộc vốn liên ngân hàng chịu áp lực từ năm 2028. Định giá ngành hấp dẫn nhưng phân hóa rõ, nên ưu tiên ngân hàng có chất lượng tài sản tốt.</li></ul> |

# THỐNG KÊ DỰ BÁO NGÀNH (TT)

| Ngành                     | Tăng trưởng Q3F YoY | Tăng trưởng 2026F YoY | Nhận định về ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------|---------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công nghệ & Viễn thông    | 14%                 | 13%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Kết quả kinh doanh được hỗ trợ bởi giá trị backlog đã ký với thị trường nước ngoài và nhu cầu chuyển đổi số trong nước. Giá các cổ phiếu trong ngành đã điều chỉnh khá mạnh kể từ đầu năm trong khi kết quả kinh doanh vẫn duy trì đà tăng trưởng</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Xuất khẩu & Khác          | -8%                 | -4%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 9 tháng đầu năm đạt 9,1 tỷ USD (+11,4% YoY), tăng trưởng tiếp tục được dẫn dắt bởi Trung Quốc và Hồng Kông (+33%) cùng ASEAN (+21%), trong khi thị trường Mỹ gần như đi ngang (+0,9%).</li><li>Đà tăng trưởng xuất khẩu trong Quý 4/26 được dự báo sẽ chậm lại do tác động của thuế Mục 301 bắt đầu phản ánh rõ hơn, trong khi một phần đơn hàng phục vụ mùa Tết đã được đẩy sớm.</li></ul>                                                                                                                                 |
| Hóa chất & Phân bón       | -12%                | -6%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Giá Urea quý Q4/2026 dự kiến tiếp tục neo ở vùng giá cao do nhu cầu mua bổ sung tại châu Âu và những lo ngại về nguồn cung và hoạt động vận chuyển tại Trung Đông cùng giai đoạn cao điểm mùa vụ trong nước (vụ Đông Xuân).</li><li>Giá DAP dự kiến đi ngang trong ngắn hạn và điều chỉnh giảm nhẹ trong Q4 do nguồn cung giao ngay cải thiện và Trung Quốc mở cửa xuất khẩu phân lân.</li></ul>                                                                                                                                                             |
| Vận tải, Cảng & Logistics | -21%                | -9%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Ngành vận tải, cảng và logistics tiếp tục phân hóa. Các cảng nước sâu phía Nam duy trì công suất cao với giá bốc xếp tăng khoảng 10%. Ngược lại, vận tải container chịu áp lực dư cung tàu và cảng phía Bắc cạnh tranh gay gắt.</li><li>Logistics hưởng lợi từ mùa cao điểm cuối năm và thương mại điện tử giúp tăng sản lượng hàng hóa, chuyển phát. Ngành hàng không hưởng lợi từ mùa lễ Tết và khách quốc tế phục hồi.</li><li>Tuy nhiên giá nhiên liệu cao và chi phí lãi vay tăng tiếp tục ảnh hưởng tới biên lợi nhuận của các doanh nghiệp.</li></ul> |
| Điện & Năng lượng         | -24%                | 17%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Lợi nhuận ngành giảm do tác động từ việc GEE ghi nhận lợi nhuận đột biến cùng kỳ năm ngoái đến từ thoái vốn tại CTCP Hạ tầng GELEX.</li><li>Sản lượng điện tăng 9,5% trong 9 tháng 2026 và phụ tải đỉnh lập kỷ lục 58.456 MW. Với mục tiêu GDP tăng khoảng 10%/năm giai đoạn 2026–2030, nhu cầu điện dự kiến tăng trên 10%/năm, trong khi nguy cơ thiếu điện đã được cảnh báo từ 2027. Điều này buộc các dự án nguồn và lưới điện phải đẩy nhanh, tạo động lực trung hạn cho toàn ngành, từ phát điện đến xây lắp và thiết bị điện.</li></ul>                |
| Chứng khoán               | -25%                | 11%                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Trong ngắn hạn, ngành chứng khoán chịu áp lực khi thanh khoản giảm 55–60% so với cùng kỳ, kéo doanh thu môi giới đi xuống. Biên lãi cho vay ký quỹ cũng thu hẹp do chi phí vốn tăng, và kết quả tự doanh nhạy cảm với biến động của VN-Index.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Xây dựng & Hạ tầng        | -84%                | -47%                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Doanh thu duy trì tốt nhờ làn sóng đầu tư công và các dự án bất động sản đang xây dựng. Lợi nhuận dự báo giảm do tác động từ việc VCG cùng kỳ năm ngoái ghi nhận lợi nhuận đột biến.</li><li>Tuy nhiên, triển vọng lợi nhuận trở nên kém khả quan trong bối cảnh chi phí lãi vay và giá nguyên vật liệu đầu vào, nhân công tăng mạnh</li></ul>                                                                                                                                                                                                               |
| Tổng cộng                 | 22%                 | 29%                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

# DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

| Mã  | Hiệu suất hiện tại | Giá hiện tại (08/10/2026) | Giá mục tiêu PTCB | Giá mục tiêu PTKT | Giá dừng lỗ | Ghi chú     |
|-----|--------------------|---------------------------|-------------------|-------------------|-------------|-------------|
| MWG | +0,74%             | 76.100                    | 99.000            | N/A               | 72.000      | Duy trì     |
| FRT | -                  | 150.900                   | 185.500           | 160.000           | 140.000     | Mở mới      |
| VCB | -4,55%             | 56.600                    | 75.000            | N/A               | 54.000      | Duy trì     |
| MBB | -7,51%             | 18.900                    | 26.000            | N/A               | 18.000      | Duy trì     |
| CTG | -                  | 29.200                    | 35.000            | 33.000            | 28.000      | Mở mới      |
| VPB | +6,56%             | 23.450                    | 31.000            | 26.000            | 21.000      | Duy trì     |
| PVS | -                  | 34.200                    | 41.000            | 41.000            | 32.000      | Mở mới      |
| BSR | -                  | 32.000                    | 35.000            | 34.500            | 30.000      | Mở mới      |
| PHR | -6,1%              | 33.300                    | 40.000            | 39.000            | 30.122      | Duy trì     |
| GMD | -                  | 54.200                    | 60.000            | 57.000            | 51.000      | Mở mới      |
| REE | -                  | 45.500                    | 70.300            | N/A               | 42.000      | Mở mới      |
| HPG | -10,2%             | 20.150                    | 31.000            | N/A               | 19.000      | Duy trì     |
| SSI | -9,15%             | 19.050                    |                   |                   |             | Đóng vị thế |
| ACB | -11,3%             | 20.350                    |                   |                   |             | Đóng vị thế |

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ

([Trở về trang mục lục](#)).

| STT | Mã                  | Giá đóng cửa<br>(08/10/2026) | Target<br>Price | Upside | Thời gian | Điểm nhấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|---------------------|------------------------------|-----------------|--------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <a href="#">MWG</a> | 76.100                       | 99.000          | 30,1%  | 12M       | <ul style="list-style-type: none"><li>Tăng trưởng doanh thu mạnh nhờ mở rộng thị phần bán lẻ điện tử (SSSG cao tại TGDD &amp; ĐMX) và bách hóa, đầu tư tài chính.</li><li>BHX và ĐMX hậu IPO là hai động lực tái định giá trung hạn. BHX đã chuyển sang đóng góp lợi nhuận dương ở cấp cửa hàng ngay khi mở mới; ĐMX sau IPO có bảng cân đối lành mạnh hơn, tạo dư địa để MWG giảm đòn bẩy tài chính hợp nhất và nâng tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt theo định hướng ban lãnh đạo đã chia sẻ.</li></ul> |
| 2   | FRT                 | 150.900                      | 185.500         | 22,9%  | 12M       | <ul style="list-style-type: none"><li>Long Châu bước vào giai đoạn thu hoạch lợi nhuận. Chúng tôi ước tính LNST của Long Châu đạt 1.980 tỷ đồng năm 2026F và 2.595 tỷ đồng năm 2027F, tăng trưởng bình quân ~26%/năm giai đoạn 2026–2028F.</li><li>Khung pháp lý mới và mảng tiêm chủng mở thêm dư địa cho chuỗi đạt chuẩn.</li><li>FPT Shop đã qua tái cấu trúc, trở lại đóng góp lợi nhuận.</li></ul>                                                                                                |
| 3   | <a href="#">VCB</a> | 56.600                       | 75.000          | 32,5%  | 12M       | <ul style="list-style-type: none"><li>Chất lượng tài sản tốt nhất hệ thống và chính sách quản trị rủi ro chặt chẽ với tỷ lệ nợ xấu 0,61%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 279%.</li><li>Định giá đang ở mức chiết khấu hấp dẫn so với lịch sử, an toàn khi thị trường biến động.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                        |
| 4   | <a href="#">MBB</a> | 18.900                       | 26.000          | 37,5%  | 12M       | <ul style="list-style-type: none"><li>Dự báo Q3 tăng trưởng tích cực từ mức nền cùng kỳ thấp.</li><li>Chất lượng tài sản vẫn trong tầm kiểm soát với tỷ lệ nợ xấu 1,45%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 94%.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 5   | CTG                 | 29.200                       | 35.000          | 19,8%  | 12M       | <ul style="list-style-type: none"><li>Tín dụng kỳ vọng tăng tốc trong H2, với động lực từ cho vay hạ tầng, sản xuất và khách hàng FDI.</li><li>Chuyển nhượng VietinBank Tower có thể là yếu tố hỗ trợ tiềm năng, bên cạnh P/B thấp ~ 1,14 lần.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                               |

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ

(Trở về trang mục lục)

| STT | Mã                  | Giá đóng cửa<br>(08/10/2026) | Target Price | Upside | Thời gian | Điểm nhấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|---------------------|------------------------------|--------------|--------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6   | <a href="#">VPB</a> | 23.450                       | 31.000       | 32,2%  | 12M       | <ul style="list-style-type: none"><li>Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng tích cực trong H2/2026 nhờ hạn mức cao hơn bình quân ngành và phục hồi của cho vay tiêu dùng, bán lẻ. Lợi nhuận được hỗ trợ bởi FE Credit, VPBankS và nguồn thu đa dạng từ hệ sinh thái.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 7   | PVS                 | 34.200                       | 41.000       | 19,8%  | 6M        | <ul style="list-style-type: none"><li>Lô B - Ô Môn, Lạc Đà Vàng và Sư Tử Trắng 2B là động lực tăng trưởng chính, khi khối lượng hợp đồng lớn từng bước chuyển thành doanh thu cơ khí, xây lắp và dịch vụ liên quan.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 8   | BSR                 | 32.000                       | 35.000       | 10%    | 6M        | <ul style="list-style-type: none"><li>Q3 dự báo tăng trưởng nhờ: (1) sản lượng tăng so với cùng kỳ; (2) biên crack spread mở rộng khi nhiều nhà máy lọc dầu châu Á giảm hoặc dừng công suất.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 9   | GMD                 | 54.200                       | 60.000       | 10,7%  | 6M        | <ul style="list-style-type: none"><li>KQKD Q3/2026 dự kiến đạt 680–700 tỷ đồng, nhờ sản lượng Gemalink +16% YoY, lợi nhuận liên doanh tăng và giá dịch vụ duy trì ở mức cao. Biên lợi nhuận gộp ước đạt 50%.</li><li>Giá dịch vụ cảng nước sâu cải thiện: Công suất khai thác tại Cái Mép – Thị Vải gần bão hòa, tạo dư địa tăng giá xếp dỡ và cải thiện biên lợi nhuận Gemalink.</li><li>Nam Đình Vũ giai đoạn 3: Tiếp tục lấp đầy công suất mới trong giai đoạn 2026–2027, thúc đẩy tăng trưởng sản lượng và doanh thu.</li><li>Gemalink giai đoạn 2A: Dự kiến vận hành cuối năm 2027, bổ sung 900.000 TEU công suất, tạo động lực tăng trưởng giai đoạn 2028–2030.</li></ul> |
| 10  | <a href="#">REE</a> | 45.500                       | 70.300       | 54,5%  | 12M       | <ul style="list-style-type: none"><li>Cơ điện lạnh bứt phá nhờ backlog kỷ lục và đại dự án hạ tầng. Giá trị hợp đồng ký mới mục tiêu cả năm 7.000–8.000 tỷ đồng.</li><li>Danh mục điện gió tăng tốc, rút ngắn tiến độ.</li><li>Năng lượng hiện hữu chống chịu tốt với thủy văn bất lợi. Sản lượng thủy điện 6T giảm 9,5% nhưng LNST thủy điện vẫn tăng 11,6% nhờ giá thị trường điện bình quân tăng 30% YoY và chi phí tài chính giảm.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                |
| 11  | HPG                 | 20.150                       | 31.000       | 53,8%  | 12M       | <ul style="list-style-type: none"><li>Nhu cầu thép được hưởng lợi từ hoạt động xây dựng nội địa tăng trưởng nhờ đầu tư công và các đại dự án đầu tư tư nhân.</li><li>Doanh thu, lợi nhuận 2026 tăng trưởng mạnh nhờ vận hành toàn bộ dự án Dung Quất 2. Hưởng lợi từ áp thuế CBPG với HRC từ TQ.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

# CONTACT INFORMATION

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

## Research & Analysis Center

Vu Ngoc Linh  
Head of Research  
[Linh.vn@shs.com.vn](mailto:Linh.vn@shs.com.vn)

## Market Strategy

Phan Tan Nhat  
Research Manager  
[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

## Wealth

Vũ Quỳnh Anh  
Analyst  
[Anh.vq@shs.com.vn](mailto:Anh.vq@shs.com.vn)

## Equity

### Financial

Doan Thi Anh Nguyet  
Team Lead  
[Nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:Nguyet.dta@shs.com.vn)  
Le Thu Huyen  
Analyst  
[Huyen.lt@shs.com.vn](mailto:Huyen.lt@shs.com.vn)

### Material

Ngo The Hien  
Research Manager  
[Hien.nth@shs.com.vn](mailto:Hien.nth@shs.com.vn)  
Vu Nhat Anh  
Analyst  
[Anh.vn@shs.com.vn](mailto:Anh.vn@shs.com.vn)

### Real Estate

Pham Hong Son  
Research Manager  
[Son.ph@shs.com.vn](mailto:Son.ph@shs.com.vn)  
Le Anh Thang  
Team Lead  
[Thang.la@shs.com.vn](mailto:Thang.la@shs.com.vn)

### Industrial

Nguyen Thanh Hoa  
Research Manager  
[Hoa.nt@shs.com.vn](mailto:Hoa.nt@shs.com.vn)

### IT

Ngo The Hien  
Research Manager  
[Hien.nth@shs.com.vn](mailto:Hien.nth@shs.com.vn)

### Communication

Nguyen Thanh Hoa  
Research Manager  
[Hoa.nt@shs.com.vn](mailto:Hoa.nt@shs.com.vn)

### Energy

Nguyen Ngoc Anh  
Analyst  
[Anh.nn2@shs.com.vn](mailto:Anh.nn2@shs.com.vn)

### Health Care

Nguyen Thanh Hoa  
Research Manager  
[Hoa.nt@shs.com.vn](mailto:Hoa.nt@shs.com.vn)

### Utilities

Pham Hong Son  
Research Manager  
[Son.ph@shs.com.vn](mailto:Son.ph@shs.com.vn)

### Consumer Discretionary

Le Thu Huyen  
Analyst  
[Huyen.lt@shs.com.vn](mailto:Huyen.lt@shs.com.vn)

### Consumer Staples

Doan Thi Anh Nguyet  
Team Lead  
[Nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:Nguyet.dta@shs.com.vn)

### Aviation

Pham Cao Duy  
Analyst  
[duy.pc@shs.com.vn](mailto:duy.pc@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin, dữ liệu và phân tích trong tài liệu này đã được thu thập, tổng hợp và xử lý một cách cẩn trọng tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, SHS Research và tác giả không cam kết tính đầy đủ, chính xác tuyệt đối hay cập nhật liên tục của các thông tin được sử dụng. Mọi nội dung trình bày hoàn toàn không đại diện cho quan điểm chính thức của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS, trừ khi có ghi rõ.

Các quan điểm, mô hình và nhận định trong báo cáo phản ánh đánh giá chuyên môn độc lập của nhóm phân tích tại thời điểm viết, dựa trên các giả định cụ thể về bối cảnh kinh tế, chính sách và thị trường. Báo cáo này không cấu thành khuyến nghị đầu tư, lời mời gọi giao dịch, hay cam kết hiệu quả tài chính đối với bất kỳ loại tài sản nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa, bất động sản hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh.

Các nội dung trong báo cáo cũng không phải là tài liệu tư vấn chính sách chính thức, và không nhằm thay thế cho đánh giá độc lập của các cơ quan hoạch định hoặc các tổ chức ra quyết định điều hành kinh tế. Mọi phân tích về chính sách công chỉ mang tính tham khảo về mặt logic truyền dẫn và kịch bản giả định, không mang tính chỉ đạo hay phản biện chính sách cụ thể.

Chúng tôi khuyến nghị người đọc (dù là nhà đầu tư tổ chức, cá nhân hay cán bộ hoạch định chính sách) cần tự đánh giá độ phù hợp của thông tin với mục tiêu sử dụng, khẩu vị rủi ro, và bối cảnh pháp lý/kinh tế tại thời điểm xem xét. Các dự báo trong báo cáo mang tính mô hình, có thể thay đổi đáng kể khi các yếu tố đầu vào hoặc định hướng chính sách thay đổi.

Tài liệu này không được sử dụng để xây dựng hồ sơ chào bán chứng khoán, truyền thông tiếp thị sản phẩm tài chính, hoặc làm căn cứ pháp lý nếu không có phê duyệt rõ ràng từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS.

Mọi hành vi sao chép, chia sẻ, trích dẫn một phần hoặc toàn bộ báo cáo cần tuân thủ quy định về bản quyền.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

## MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

### Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

#### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



# SHS

Kiến tạo tài chính thịnh vượng

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)



Website: [shs.com.vn](https://shs.com.vn)



Tel: 1900 63 8588



Email: [hotrokhachhang@shs.com.vn](mailto:hotrokhachhang@shs.com.vn)



### GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: [sboard.shs.com.vn](https://sboard.shs.com.vn)

Web trading: [shsmart.shs.com.vn](https://shsmart.shs.com.vn)